

Hải Phòng, ngày 12 tháng 5 năm 2014

Số: 339./QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề cương chi tiết và
Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân .

Căn cứ quyết định 1636/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế ban hành quy chế đào tạo Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 ngành Y.

Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Đào tạo sau Đại học, Trưởng Bộ môn liên quan

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương chi tiết và Chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp 1 Nhi khoa, Mã số: 607216.CK

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Trưởng Bộ môn Nhi khoa và các bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c)
- Lưu ĐTSĐH;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

MỤC LỤC

Trang

LỜI GIỚI THIỆU	1
GIỚI THIỆU NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO.....	2
MÔ TẢ NHIỆM VỤ.....	3
MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	4
QUỸ THỜI GIAN	5
CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT	Error! Bookmark not defined.
MÔ TẢ THI TỐT NGHIỆP	8
CÁC MÔN HỌC CHUNG.....	9
CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ.....	
CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH	20
CHỈ TIÊU TAY NGHỀ	74
TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT	75
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	77

LỜI GIỚI THIỆU

Chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành Nhi khoa xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

1. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.

2. Quy chế tuyển sinh Sau đại học ban hành theo Quyết định số: 02/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/01/2001 và sửa đổi, bổ sung theo quyết định số 19/2002/ QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I Sau đại học.

GIỚI THIỆU NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

1. **Bậc học:** Sau Đại học
2. **Chuyên ngành đào tạo:** Nhi khoa
3. **Chức danh sau khi tốt nghiệp:** Bác sỹ chuyên khoa I
4. **Mã số đào tạo:** 60 72 16CK
5. **Thời gian đào tạo:** 2 năm
6. **Hình thức đào tạo:** Chính quy tập trung
7. **Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy định hiện hành
8. **Cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
9. **Bậc học có thể tiếp tục:** CKII Nhi khoa

MÔ TẢ NHIỆM VỤ

Bác sĩ chuyên khoa I Nhi khoa có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Khám và chữa bệnh

- Có trình độ sâu về chuyên ngành Nhi khoa để có khả năng xử trí các tình huống trong lĩnh vực Nhi khoa.

- Chẩn đoán và xử trí các tình huống cấp cứu, tai biến, biến chứng các bệnh lý Nhi khoa.

2. Phòng bệnh và giáo dục sức khỏe

- Tham gia công tác giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

- Tham mưu cho lãnh đạo đơn vị các vấn đề liên quan đến bệnh lý Nhi khoa.

3. Thực hiện công tác đào tạo và NCKH

- Tự trau dồi kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để thích ứng với nhiệm vụ khám và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Tham gia đào tạo liên tục về chuyên ngành cho nhân viên y tế.

- Hợp tác và hỗ trợ về chuyên ngành với các đồng nghiệp.

- Tham gia các đề tài NCKH phù hợp với khả năng và điều kiện công tác.

- Tổ chức, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao.

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

- Củng cố những kiến thức đã học trong chương trình Đại học về Nhi khoa.
- Nâng cao kiến thức chuyên khoa sâu về Nhi khoa

2. Mục tiêu cụ thể

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về Nhi khoa và các vấn đề liên quan đến Nhi khoa.
- Thành thạo các kỹ năng về Nhi khoa.
- Độc lập quyết định và xử trí được các tình huống Nhi khoa.
- Áp dụng được những thành tựu mới chuyên ngành Nhi khoa trong khám và chữa bệnh cho nhân dân.
- Có khả năng tự học vươn lên để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

QUỸ THỜI GIAN

STT	Khối lượng học tập	Đơn vị học trình				
		Tổng chung	Lý thuyết	Thực hành	Bệnh án	Tỷ lệ (%)
1	Các môn chung	23	14	9	0	23.0
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ	11	7	4	0	11.0
3	Môn chuyên ngành	58	16	42	0	58.0
4	Ôn thi và thi tốt nghiệp	8	2	3	3	8.0
Tổng		100	39	58	3	100

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CHUYÊN KHOA I NHI

STT	TÊN MÔN HỌC		Tổng số ĐVHT/%	Phân bố ĐVHT/%	
				LT(n/%)	TH(n/%)
1. CÁC MÔN HỌC CHUNG					
1		Triết học	6/6	6/6	0
2		Tiếng Anh	10/6	10/10	0
3		Tin học	4/4	2/2	2/2
		Tổng	20/20	18/18	2/2
2. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ					
4		Sinh lý	5,5/5,5	4/4	1,5/1,5
5		Truyền nhiễm	8/8	3/3	5/5
		Tổng	13,5/13,5	7/7	6,5/6,5
3. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH					
6	HP1	Định hướng chuyên khoa Nhi, Thận - Nội tiết-Di truyền	11,5/11,5	4/4	7,5/7,5
7	HP2	Sơ sinh, Nhi khoa XHH, cấp cứu	15/15	5/5	10/10
8	HP3	Tuần hoàn - Hô hấp	10,5/10,5	3,5/3,5	7/7
9	HP4	Huyết học - Thần Kinh - Tâm thần	11/11	3,5/3,5	7,5/7,5
10	HP5	Tiêu hóa - Dinh dưỡng	14/14	5/5	9/9
		Tổng	62/62	21/21	41/41
4. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP			4,5/4,5	2/2	2,5/2,5
Tổng cộng			100/100	48/48	52/52

MÔ TẢ THI TỐT NGHIỆP

1. Thời gian ôn và thi tốt nghiệp: (5 tuần) Học viên vẫn học lâm sàng vào các buổi sáng và tự nghiên cứu để củng cố lại các kiến thức về lý thuyết và kỹ năng chuyên ngành đã học.

2. Hình thức thi: Gồm 3 phần (lý thuyết, kỹ năng thực hành và bệnh án). Điểm thi của từng phần độc lập với nhau.

* Lý thuyết: Thi viết lý cải tiến (180 phút). Nội dung tổng hợp kiến thức của 8 học phần môn chuyên ngành đã học.

* Kỹ năng thực hành: Thi kỹ năng tại Skillslab và bệnh viện (chú ý kỹ năng thủ thuật, giao tiếp, phân tích, ra quyết định và giải quyết vấn đề).

* Bệnh án: Bốc thăm bệnh nhân, hỏi bệnh trên lâm sàng, làm bệnh án và hỏi trên bệnh án.

CÁC MÔN HỌC CHUNG

A. CÁC MÔN HỌC CHUNG

TÊN MÔN HỌC: TRIẾT HỌC

1. Số ĐVHT: 6 ĐVHT

2. Số tiết học: 90 tiết

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Chứng chỉ : 1

5. Mục tiêu môn học: Sau khi kết thúc khoá học học viên có khả năng:

5.1. Trình bày được những nội dung cơ bản của triết học.

5.2. Vận dụng có hiệu quả vào chuyên ngành của mình.

6. Nội dung:

STT	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận (tiết)	Tổng số (tiết)
1	Chương 1: Khái luận về triết học <i>Phần 1:</i> Triết học là gì ? <i>Phần 2 :</i> Triết học phương Đông và Triết học phương Tây	16	4	20
2	Chương 2 : Triết học Mác – Lênin <i>Phần 1 :</i> Sự ra đời của Triết học Mác – Lênin <i>Phần 2 :</i> Chủ nghĩa duy vật biện chứng <i>Phần 3 :</i> Phép biện chứng duy vật <i>Phần 4 :</i> Chủ nghĩa duy vật lịch sử <i>Phần 5 :</i> Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay	30	15	45
3	Chương 3 : Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học <i>Phần 1 :</i> Mối quan hệ giữa khoa học và Triết học <i>Phần 2 :</i> Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học	7	3	10
4	Chương 4 : Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội <i>Phần 1 :</i> Ý thức khoa học <i>Phần 2 :</i> Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội <i>Phần 3 :</i> Khoa học công nghệ ở Việt nam	10	5	15
5	Tổng	63 tiết	27 tiết	90 tiết

7. Phương pháp dạy học:

1. Thuyết trình
2. Thảo luận nhóm
3. Tự nghiên cứu

8. Phương pháp đánh giá:

1. Kiểm tra theo đơn vị học trình
2. Tiểu luận: 02 tiểu luận (Lịch sử triết học và các nguyên lý Mác-Lênin).
3. Thi chứng chỉ: Viết cải tiến.

9. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn triết học Mác - Lê nin trường Đại học Y Hải Phòng

10. Cán bộ giảng dạy:

1. ThS-GVC. Đào Nguyên Hùng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
2. ThS-GVC. Hoàng Minh Hương - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
3. ThS-GVC-. Nguyễn Tiến Trường - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.

11. Tài liệu giảng dạy:

- Triết học dành cho cao học và nghiên cứu sinh nhà xuất bản chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 1993 tập I, II , III.
- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và X.
- Triết học Mác Lênin – Hội đồng lý luận TW –NXB chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

TÊN MÔN HỌC: NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

1. Số đơn vị học trình: 10 LT:10 TH: 0

2. Số tiết học: 150 LT:150 TH: 0

3. Số lần kiểm tra: 2

4. Số chứng chỉ: 1

1. Mục tiêu học phần

- Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

2. Mô tả học phần:

Học phần được chia làm 2 giai đoạn:

_ Giai đoạn 1 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với trình độ tương đương B1 theo khung Châu Âu. Sinh viên học từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo định hướng của các bài thi lấy chứng chỉ B1.

_ Giai đoạn 2 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên được cung cấp từ vựng chuyên ngành và ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học và các tài liệu chuyên ngành y.

3. Nội dung chi tiết:

1.1. Giai đoạn 2 (05 đơn vị học trình – 75 tiết):

STT		Số tiết
1	Unit1. Present tenses + Speaking	4
2	Unit 2. Past tenses + Speaking	4
3	Unit 4. Present perfect simple, present perfect continuous	4
4	Unit 5. Past perfect simple, past perfect continuous	4
5	Unit 7. Future time + Speaking	4
6	Unit 8. Preposition of time and place + Speaking	4
7	Unit 10. The passive 1	4
8	Unit 11. The passive 2	4
9	Revision	4
10	Vocabulary: Parts of the body + Body movement	4
11	Vocabulary: The senses + Feeling ill	4

12	Vocabulary: Injuries + At the doctor's	4
13	Vocabulary: In hospital + Reading: Stress	4
14	Reading: Drug abuse + Heart disease	4
15	Reading: Nutrition + Pregnancy	4
16	Group Presentation 1	4
17	Group Presentation 2	4
18	Group Presentation 3	4
19	Revision	3

1.2. Giai đoạn 2 (05 đơn vị học trình – 75 tiết):

STT	Tên bài	Số tiết
1	Unit 1. Shapes and Properties	4
2	Unit 2. Location	8
3	Unit 3. Structure	4
4	Unit 4. Revision A	4
5	Unit 5. Measurement	4

STT	Tên bài	Số tiết
6	Unit 6. Function	8
7	Unit 7. Actions in sequence	4
8	Unit 8. Revision B + Midterm Test	4
9	Unit 9. Quantity	4
10	Unit 10. Cause and Effect	8
11	Unit 11. Proportion	4
12	Unit 12. Revision C	4
13	Unit 13. Frequency and Probability	8
14	Unit 14. Method	4
15	Unit 15. Consolidation	3

4. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình, phát vấn
- Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Phần, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

6. Lượng giá:

13.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

13.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp
- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.
- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

13.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- _ 01 bài thi Nói hết học phần.
- _ 01 bài thi Viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 120 phút
- _ Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Nói sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

7. Tài liệu học tập:

Giai đoạn 1: Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

Giai đoạn 2: Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

8. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

9. Phương pháp dạy học:

- _ Thuyết trình, phát vấn
- _ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- _ Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- _ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

11. Lượng giá:

13.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

13.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp
- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

13.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- _ 01 bài thi Nói hết học phần.
- _ 01 bài thi Viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 120 phút
- _ Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Nói sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

12. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

13. Cán bộ tham gia giảng dạy:

- + GV Ths. Trần Thị Hòa
- + GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- + GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- + GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn

14. Tài liệu học tập:

Giai đoạn 1: Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

Giai đoạn 2: Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

TÊN MÔN HỌC: TOÁN - TIN ỨNG DỤNG LÂM SÀNG

- | | | |
|----------------------------------|-------|--------|
| 1. Số đơn vị học trình: 4 | LT: 2 | TH: 2 |
| 2. Số tiết học: 60 | LT:30 | TH: 30 |
| 3. Số lần kiểm tra: 1 | | |
| 4. Số chứng chỉ: 1 | | |

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung
- ThS. Đào Thu Hằng

MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng Bác sĩ chuyên khoa cấp I (CK I) gồm 4 đơn vị học trình (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, *OR*, *RR*, hệ số tương quan tuyến tính,...

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai **hoặc** nhiều kỳ vọng, *ANOVA* một nhân tố, *ANOVA* hai nhân tố,

So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp *Chi Square*,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến.

Tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số *K*, *F*, *P* hệ số *Sperman*, Hệ số *Pearson*,...

MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu, công thức tính cỡ mẫu, tính cỡ mẫu trên máy tính	2	2
2	Xây dựng cấu trúc dữ liệu, sai số thô, nhiễu và các kỹ thuật làm sạch số liệu.	2	2
3	Nhập dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu: Bỏ xung, xóa, sắp xếp, tìm kiếm, mã hóa	2	2
4	Các tham số quần thể, tham số mẫu, tính các tham số đặc trưng mẫu. Ý nghĩa các tham số đặc trưng	2	2

5	Các bài toán ước lượng: Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> .	2	2
6	Kiểm định giả thiết thông kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai.	2	2
7	Thống kê phi tham số: So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính.	3	3
8	Một số kiểm định phi tham số khác: Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, kiểm định đoạn mạch.	3	3
9	Tương quan tuyến tính đơn biến, hệ số tương quan tuyến tính, kiểm định mức độ tương quan. Đường hồi quy.	3	3
10	Tương quan đa biến. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan <i>Q</i> , hệ số tương quan <i>F</i> .	3	3
12	Liên quan giữa các đại lượng có thứ bậc, hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập.	3	3

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp. Học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Sử dụng máy tính và phần mềm *SPSS* để xử lý số liệu.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu học tập:

Bài giảng môn Toán tin ứng dụng, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2013.

Tài liệu tham khảo:

1. *Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học)*, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.
2. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, 2009.

3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.
4. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng (Phần phân tích số liệu)*, NXB Y học, 2009.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường, bảng, phấn, máy tính của học viên, máy chiếu.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành: 1 bài

Thi hết học phần: 1 bài

MÔN CƠ SỞ, HỖ TRỢ

MÔN HỌC 4: TRUYỀN NHIỄM

Số đơn vị học trình: 8(3/5)

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.TS. Bùi Vũ Huy- Phó Chủ Nhiệm Bộ Môn Truyền Nhiễm –Đại Học Y Hà Nội
2. Ts. Đỗ Duy Cường – Khoa Truyền Nhiễm-BV Bạch Mai
3. Ths. Phạm Thị Vân Anh - Phó Trưởng Bộ Môn Truyền Nhiễm ĐHYDHP
4. Ths. Trần Thị Liên –BM Truyền Nhiễm ĐHYDHP
5. Ths. Ngô Anh Thế - Phó CN Khoa Truyền Nhiễm BV Việt Tiệp Hải Phòng
6. Ts. Vũ Hải Vinh- Khoa Truyền Nhiễm BV Việt Tiệp Hải Phòng

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn Truyền Nhiễm là môn có liên quan chặt chẽ với chuyên ngành Nhi trong chẩn đoán và điều trị bệnh

Môn học này trang bị cho các học viên những kiến thức cơ bản, cập nhật và những kỹ năng thực hành giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh nhi khoa đầy đủ và hoàn chỉnh nhất.

B. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng:

1. Lý thuyết

- 1.1. Nêu được những đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh truyền nhiễm.
- 1.2. Trình bày được phương pháp chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh truyền nhiễm
- 1.3. Trình bày được biện pháp điều trị và phòng các bệnh truyền nhiễm.

2. Thực hành

- 2.1. Chẩn đoán và xử trí được các bệnh truyền nhiễm thường gặp
- 2.2. Thực hiện triển khai được phòng bệnh tại cộng đồng

C. NỘI DUNG

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TIẾT	
		LÝ THUYẾT	LÂM SÀNG

1	Viêm màng não do vi khuẩn 1.1. Dịch tễ học 1.2. Sinh lý bệnh 1.3. Lâm sàng 1.4. Điều trị 1.5. Phòng bệnh	4	5
2	Viêm não 2.1. Dịch tễ học 2.2. Sinh lý bệnh 2.3. Lâm sàng 2.4. Điều trị 2.5. Phòng bệnh	4	5
3	Nhiễm HIV/AIDS 3.1. Dịch tễ học 3.2. Sinh lý bệnh 3.3. Lâm sàng 3.4. Điều trị 3.5. Phòng bệnh	4	10
4	Nhiễm khuẩn huyết 4.1. Dịch tễ học 4.2. Sinh lý bệnh 4.3. Lâm sàng 4.4. Điều trị 4.5. Phòng bệnh	4	10
5	Bệnh tả 5.1. Dịch tễ học 5.2. Sinh lý bệnh 5.3. Lâm sàng 5.4. Điều trị 5.5. Phòng bệnh	3	5
6	Uôn ván 6.1. Dịch tễ học 6.2. Sinh lý bệnh 6.3. Lâm sàng 6.4. Điều trị 6.5. Phòng bệnh	4	5
7	Viêm gan do vi rút 7.1. Dịch tễ học 7.2. Sinh lý bệnh 7.3. Lâm sàng 7.4. Điều trị 7.5. Phòng bệnh	4	10
8	Thương hàn 8.1. Dịch tễ học 8.2. Sinh lý bệnh 8.3. Lâm sàng 8.4. Điều trị 8.5. Phòng bệnh	2	2
9	Sốt rét 9.1. Dịch tễ học 9.2. Sinh lý bệnh 9.3. Lâm sàng	4	3

	9.4. Điều trị 9.5. Phòng bệnh		
10	Cúm 10.1. Dịch tễ học 10.2. Sinh lý bệnh 10.3. Lâm sàng 10.4. Điều trị 10.5. Phòng bệnh	4	5
11	Sử dụng corticoid trong các bệnh nhiễm trùng	4	5
12	Nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong các bệnh truyền nhiễm	4	10
TỔNG		45	75

D. TÀI LIỆU DẠY HỌC

1. Tài liệu học tập- Bộ Môn Truyền Nhiễm Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng
2. Bộ môn Truyền Nhiễm trường Đại Học Y Hà Nội. 2011. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm. Nhà xuất bản y học.
3. Bùi Đại- Bệnh Học Truyền Nhiễm- Nhà Xuất Bản Y Học.
4. Học Viện Quân Y (2015). Bệnh học Truyền Nhiễm. Bài giảng dành cho đối tượng sau đại học.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm, ĐHYD TP Hồ Chí Minh năm 2006
2. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm ĐHY Hà Nội. Nhà xuất bản Y Học năm 2011
3. Bài giảng Truyền Nhiễm. Bùi Đại
4. Bệnh Học Truyền Nhiễm. Học Viện Quân Y. 2015
5. Mandell, Douglas and Bennett's Principles and Practice of Infectious Diseases: 2-Volume Set, 8E 8th edition.(ebook2015)
6. <https://www.uptodate.com/home>

F. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp dạy học: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực

+ *Lý thuyết:*

- Dạy học theo mục tiêu
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa trên các tài liệu sẵn có và sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó trình bày, thảo luận trước lớp

+ *Thực hành:*

- Dựa trên mục tiêu cần đạt

- Thảo luận nhóm
- Nghiên cứu trường hợp
- Dạy học dựa trên vấn đề

PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

1. Kiểm tra, đánh giá ban đầu: Hỏi và lượng giá kiến thức SV các môn học có liên quan trước đó.
2. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình học:
 - Chuyên cần: Mức độ tham gia học tập trên lớp, thực hành tại Bệnh viện (Số điểm danh, số trực, bệnh án học tập từng tuần..)
 - Thái độ trong học tập, mức độ tham gia các hoạt động thảo luận khi học lâm sàng.
3. Kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần:
 - Điều kiện: Tham gia > 90 % các buổi học lý thuyết và lâm sàng.
 - Thi thực hành: Bóc bệnh án và thi vấn đáp, phân tích ca lâm sàng ngẫu nhiên
 - Thi lý thuyết: Tự luận (trắc nghiệm)
 - Điểm áp dụng thang điểm 10.

CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường
- Phấn, bảng
- Máy chiếu
- Máy tính xách tay
- Tài liệu phát tay
- Phòng bệnh
- Bệnh nhân

PHÂN CÔNG DẠY HỌC

Tên giảng viên	Tên bài giảng	Số tiết
PGS. Ts. Bùi Vũ Huy	Viêm màng não	4
	Viêm não	4
	Nhiễm HIV/AIDS	4
	Nhiễm khuẩn huyết	4
	Bệnh tả	3
	Uốn ván	4
Ts. Đỗ Duy Cường	Viêm gan do vi rút	4
	Thương hàn	2
	Sốt rét	4
	Cúm	4
	Sử dụng kháng sinh trong các bệnh truyền nhiễm	4
	Sử dụng corticoid trong các bệnh truyền nhiễm	4
TỔNG		45

MÔN HỌC: SINH LÝ HỌC

Mã số: YHSL.521

Số ĐVHT: 5.5 LT: 4 TH: 1.5

Số tiết: 105 LT: 60 tiết TH: 45 tiết

Số lần thi: 1

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Sinh lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi - Bộ môn Sinh lý - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
2. GS. TS. Nguyễn Trường Sơn – Bộ môn Y học biển - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
3. ThS.BS.NCS.Đào Thu Hồng - Bộ môn Sinh lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

I. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Sinh lý học là môn học về:

- Các quy luật cơ bản về hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng của tế bào, hoạt động chức năng chuyên biệt của một số cơ quan trong cơ thể: huyết áp động mạch, tuần hoàn phổi, tuần hoàn mạch vành, tuần hoàn não, thông khí phổi, điều hòa cân bằng acid-base, sinh lý đau, thần kinh thực vật, sinh lý phát triển cơ thể.
- Một số rối loạn hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể.

II. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau

khi kết thúc khóa học, học viên phải đạt được:

** Về kiến thức:*

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng các cơ quan.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

** Về thái độ:*

- Nhận thức được rõ vai trò của môn sinh lý học là nền tảng về hoạt động chức năng của cơ thể nhằm sử dụng vào việc học tập, nghiên cứu và phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

** Về kỹ năng:*

- Có kỹ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.
- Có kỹ năng phân tích, lập luận, diễn giải một số xét nghiệm thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và theo dõi điều trị.

III. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung	Số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào	4	0
2	Điều hòa cân bằng nước, điện giải và cân bằng acid-base	4	0
3	Sinh lý hồng cầu	4	4
4	Huyết áp động mạch	4	4
5	Tuần hoàn phổi	4	0
6	Thăm dò chức năng thông khí phổi	4	8
7	Tuần hoàn mạch vành	4	4
8	Tuần hoàn não	4	4
9	Cơ sở sinh lý học của một số phương pháp thăm dò chức năng tim mạch	4	13
10	Cơ chế bài tiết dịch vị và các ứng dụng lâm sàng	4	0
11	Điều hoà chức năng lọc của cầu thận trong sinh lý và bệnh lý	4	0
12	Sinh lý thần kinh thực vật	4	0
13	Sinh lý cảm giác đau	4	0
14	Điều hoà hoạt động chức năng tuyến giáp trong sinh lý và bệnh lý	4	4
15	Quá trình phát triển cơ thể và các hormon điều hòa	4	4
	Tổng	60	45

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

- Lý thuyết: Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực: pháp vấn, thảo luận nhóm, dạy học theo mục tiêu. Một số nội dung được giao cho học viên chuẩn bị trước ở nhà.
- Thực hành: Ca lâm sàng, phân tích kết quả xét nghiệm, thăm dò chức năng.
- Vật liệu dạy học: Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, máy móc thăm dò chức năng tim, phổi, máu.

V. TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Tài liệu giảng dạy

- Thực tập Sinh lý học, Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

- Bộ môn Sinh lý học Đại học Y Hà Nội (1996). Chuyên đề sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

2. Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
- Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
- Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

3. Tài liệu hướng dẫn sinh viên tự học

- Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.
- Bộ môn Sinh lý học Đại học Y Hà Nội (1996). Chuyên đề sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

VI. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá ban đầu : pháp vấn, bài kiểm tra viết ngắn
 - Đánh giá thường xuyên: pháp vấn, bài kiểm tra viết ngắn
- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện để thi hết học phần.
- Đánh giá hết học phần: thi viết tự luận

Cách tính điểm môn học: là điểm thi tự luận

VII. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng học viên.
- Các máy móc, phương tiện phục vụ dạy học như máy điện tim, máy đo thông khí phổi, huyết áp kế, máy huyết học,...

MÔN CHUYÊN NGÀNH

MÔN HỌC 1: SƠ SINH - CẤP CỨU

Mã số: Sơ sinh - Cấp cứu - Thận - Nội tiết - 15 ĐVHT (LT 5/75, TH 15/135)

Số lần kiểm tra: 02

Số chứng chỉ: 01

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: *Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng.*

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng
2. PGS.TS. Đinh Văn Thúc
3. PGS.TS. Đặng Văn Chức
4. TS. Vũ Văn Quang

Giảng viên thỉnh giảng:

1. BSCKII. Phạm Văn Dương
2. BSCKII. Nguyễn Văn Đoàn

1. Mô tả môn học

Đây là môn học giúp cho học viên chẩn đoán và điều trị được các bệnh sơ sinh, thận, nội tiết thường gặp ở trẻ em và có kỹ năng cấp cứu Nhi khoa cơ bản.

2. Mục tiêu môn học

1. Chẩn đoán, điều trị được các bệnh hay gặp về sơ sinh, thận nội tiết ở trẻ em.
2. Thực hành được các kỹ năng cấp cứu Nhi khoa cơ bản.

3. Nội dung

TT	Tên bài	Số tiết học		
		Tổng số	LT	TH
1	Sơ sinh nguy cơ cao	35	15	20
2	Nuôi dưỡng trẻ sơ sinh	30	10	20
3	Bù nước điện giải cho trẻ sơ sinh	30	10	20
4	Rối loạn nước điện giải	30	10	20
5	Rối loạn thăng bằng toan kiềm	30	10	20
6	Shock trẻ em	30	10	20
7	Ngộ độc cấp trẻ em	25	10	15
Tổng		210	75	135

Bài 1: Sơ sinh nguy cơ cao

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Định nghĩa
2. Tiếp cận đánh giá trẻ sơ sinh nguy cơ cao
 - 2.1. Đánh giá ban đầu sau sinh.
 - 2.2. Đánh giá về hô hấp.
 - 2.3. Đánh giá về tuần hoàn.
3. Nguyên nhân.
 - 3.1. Để non
 - 3.2. Suy hô hấp
 - 3.3. Vàng da
 - 3.4. Nhiễm khuẩn sơ sinh
 - 3.5. Bệnh bẩm sinh
 - 3.6. Rối loạn chuyển hóa
4. Xử trí hồi sức sau sinh cho trẻ sơ sinh nguy cơ cao
 - 4.1. Chăm sóc trẻ để non
 - 4.2. Xử trí suy hô hấp
 - 4.3. Xử trí vàng da
 - 4.4. Xử trí nhiễm khuẩn sơ sinh
 - 4.5. Xử trí bệnh bẩm sinh
 - 4.6. Xử trí rối loạn chuyển hóa

Bài 2: Nuôi dưỡng trẻ Sơ sinh

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Đại cương
2. Chỉ định, chống chỉ định
3. Các bước thực hiện:
 - 3.1. Nuôi dưỡng qua đường miệng
 - 3.1. Nuôi dưỡng qua sonde dạ dày
 - 3.3. Nuôi dưỡng tĩnh mạch bán phần.
 - 3.4. Nuôi dưỡng tĩnh mạch hoàn toàn
4. Theo dõi bệnh nhân
 - 4.1. Cân nặng
 - 4.2. Thân nhiệt
 - 4.3. Đường máu
 - 4.4. Nhiễm trùng

Bài 3: Bù nước điện giải cho trẻ Sơ sinh

Số tiết: 22 (LT 2; TH 20)

1. Nhu cầu nước và điện giải ở trẻ sơ sinh

- 1.1. Nhu cầu hàng ngày
- 1.2. Lượng dịch mắt
- 1.3. Điện giải
2. Đánh giá cân bằng nước điện giải
 - 2.1. Bệnh sử
 - 2.2. Khám lâm sàng
 - 2.3. Các xét nghiệm cần làm
3. Xử trí bù nước, điện giải
 - 3.1. Nguyên tắc bù nước, điện giải
 - 3.2. Điều trị cụ thể
 - 3.3. Tính lượng nước điện giải đã mất
 - 3.4. Theo dõi đáp ứng điều trị
4. Xử trí rối loạn điện giải
 - 4.1. Hạ Natri máu
 - 4.2. Tăng Natri máu
 - 4.3. Hạ Kali máu
 - 4.4. Tăng Kali máu
 - 4.5. Hạ canxi máu
 - 4.6. Hạ Magie máu

Bài 4: Rối loạn nước điện giải

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Sinh lý của chuyển hoá nước - điện giải trong cơ thể trẻ em
 - 1.1. Phân bố nước trong cơ thể trẻ em
 - 1.2. Nhu cầu nước
 - 1.3. Phân bố và nhu cầu điện giải
2. Điều trị mất nước
 - 2.1. Tình trạng mất nước hay gặp ở trẻ em vì
 - 2.2. Đánh giá mức độ mất nước
 - 2.3. Đánh giá các loại mất nước (chỉ áp dụng khi bệnh nhân mất nước nặng)
 - 2.4. Hậu quả của mất nước
 - 2.5. Điều trị mất nước
 - 2.5.1. Khi chưa có mất nước nặng :
 - 2.5.2. Khi mất nước nặng
3. Điều trị rối loạn điện giải
 - 3.1. Tăng Natri máu
 - 3.3. Tăng Kali máu

3.4. Hạ Lali máu

3.5. Tăng Canxxi máu

3.6. Hạ Canxi máu

Bài 5: Rối loạn thăng bằng toan kiềm

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Một số khái niệm
 - 1.1. Hệ đệm
 - 1.2. Sự chuyển hoá CO₂
 - 1.3. Thận tham gia điều hoà toan kiềm
2. Rối loạn thăng bằng toan kiềm
 - 2.1. Các thuật ngữ và chỉ số
 - 2.1.1. Nhiễm toan:
 - 2.1.2. Nhiễm kiềm:
 - 2.1.3. Các chỉ số trong Astrup:
 - 2.1.4. Biến đổi những thông số chủ yếu trong rối loạn thăng bằng toan kiềm
 - 2.2. Các tình trạng nhiễm toan
 - 2.2. 1. Nguyên nhân:
 - 2.2. 2. Trẻ em hay bị nhiễm toan vì :
 - 2.2. 3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2. 4. Điều trị
 - 2.3. Các tình trạng nhiễm kiềm
 - 2.3.1. Nguyên nhân:
 - 2.3.2. Gợi ý lâm sàng:
 - 2.3.3. Điều trị

Bài 6: Shock trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Đại cương
2. Cơ chế bệnh sinh và các giai đoạn của shock
3. Phân loại và nguyên nhân thường gặp
 - 3.1. Shock giảm thể tích tuần hoàn
 - 3.2. Giảm sức vận mạch :
 - 3.3. Giảm sức co bóp cơ tim
 - 3.4. Shock phân ly:
4. Triệu chứng và nguyên tắc điều trị chung cho các loại shock
 - 4.1. Triệu chứng:
+ Giai đoạn đầu:

+ Giai đoạn thực sự của shock:

4.2. Nguyên tắc chung trong điều trị shock

5. Một số vấn đề về sốc nhiễm khuẩn

5.1. Định nghĩa

5.2. Chẩn đoán

5.3. Điều trị Sốc nhiễm khuẩn

5.3.1. Sinh lý bệnh (theo Hollenberg và Parrillo)

5.3.2. Điều trị

5.3.3. Các chỉ tiêu, thông số và nhịp độ theo dõi

6. Điều trị Sốc giảm khối lượng tuần hoàn

Bài 7: Một số ngộ độc ở trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Ngộ độc paracetamol

1.1. Đại cương

1.2. Chẩn đoán:

1.3. Chẩn đoán xác định:

+ Lâm sàng

+ Cận lâm sàng

+ Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định

1.4. Chẩn đoán nguyên nhân

1.5. Điều trị

1.5.1. Nguyên tắc

1.5.2. Điều trị cụ thể

1.5.2.1 Xử trí ban đầu

1.5.2.2 Tại bệnh viện:

+ Duy trì chức năng sống

+ Giải độc đặc hiệu

+ Điều trị hỗ trợ

2. Ngộ độc chì ở trẻ em:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

+ Các nguồn gây ngộ độc

+ Đường vào

2.3. Dịch tễ

2.4. Cơ chế bệnh sinh

2.5. Hậu quả của nhiễm độc chì

- + Hậu quả ngộ độc chì tới hệ thống thần kinh
- + Hậu quả ngộ độc chì tới thận
- + Hậu quả ngộ độc chì tới tim mạch

2.6. Triệu chứng lâm sàng

2.7. Triệu chứng cận lâm sàng

- + Xét nghiệm máu

- + Chẩn đoán hình ảnh

2.8. Chẩn đoán

2.9. Điều trị

- + Mục đích điều trị

- + Điều trị nguyên nhân

- + Điều trị triệu chứng

- + Điều trị hỗ trợ

2.10. Theo dõi điều trị

5. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. (2007), “*Bài giảng Nhi khoa sau Đại học tập 1 và tập 2*” Nhà xuất bản Y học.

6. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh viện Nhi Trung ương (2015). Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em. NXB Y học.

3. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hải Phòng (2013), “*Bài giảng Nhi khoa*”, Nhà xuất bản Y học. Dành cho đa khoa, Tập 1,2

4. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2011), *Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, Bệnh tiêu chảy cấp, tr 223-242

7. Nguyễn Công Khanh (2001), “*Tiếp cận chẩn đoán Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

8 Bộ môn Nhi, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh,(1996), *Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Bệnh tiêu chảy, tr 365-378.

9. Lê Đức Hình - Nguyễn Chương (2001) "*Viêm não Nhật Bản*". Thần kinh học trẻ em. Nhà xuất bản Y học, trang 177 - 190. (1994)

11. Trần Quy (2001) “*Hen phế quản*” *Bài giảng Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, trang 308 - 321.

12. Cao Quốc Việt (2001), “*Suy giáp trạng bẩm sinh*”, *Bài giảng Nhi khoa tập II*. NXB Y học.

13. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2013), “*Phác đồ điều trị Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học.

14. Nguyễn Công Khanh, Lê Thanh Hải (2015), “*Hướng dẫn, chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em*”. Nhà xuất bản Y học.

15. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), “*Thực hành cấp cứu Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

16. Nguyễn Ngọc Sáng, Hà Phan Hải Anh (2007), “*Hội chứng thận hư tiên phát ở người lớn và trẻ em*”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

17. Hội Nhi khoa Việt Nam (2016), *Sách giáo khoa nhi khoa: textbook of Pediatrics*. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

7. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết: thuyết trình, hướng dẫn học viên tự đọc tài liệu
- Thực hành: thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm

8. Phương pháp lượng giá

- Lý thuyết: thi viết cải tiến

- Thực hành: case study, bảng kiểm, bệnh án, viết chuyên đề

Cấp chứng chỉ môn học

Chứng chỉ môn học chỉ cấp cho những học viên có đủ số lần kiểm tra, thi đạt từ 5 điểm trở lên.

MÔN HỌC 2: THẬN - NỘI TIẾT

Mã số: Sơ sinh - Cấp cứu - Thận - Nội tiết – 11.5 ĐVHT (LT 4/60, TH 7.5/112.5)

Số lần kiểm tra: 02

Số chứng chỉ: 01

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: *Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng.*

Giảng viên môn học:

1.PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng

2.PGS.TS. Đinh Văn Thức

3. PGS.TS. Đặng Văn Chức

4. TS. Vũ Văn Quang

Giảng viên thỉnh giảng:

3. BSCCKII. Phạm Văn Dương

4. BSCCKII. Nguyễn Văn Đoàn

1. Mô tả môn học

Đây là môn học giúp cho học viên chẩn đoán và điều trị được các bệnh sơ sinh, thận, nội tiết thường gặp ở trẻ em và có kỹ năng cấp cứu Nhi khoa cơ bản.

2. Mục tiêu môn học

1. Chẩn đoán, điều trị được các bệnh hay gặp về sơ sinh, thận nội tiết ở trẻ em.
2. Thực hành được các kỹ năng cấp cứu Nhi khoa cơ bản.

3. Nội dung

TT	Tên bài	Số tiết học		
		Tổng số	LT	TH
1.	Tổn thương thận cấp trẻ em	18	6	12
2.	Hội chứng đái máu	18	6	12
3.	Bệnh lý ống thận	18	6	12
4.	Viêm cầu thận bán cấp - mạn tính ở trẻ em	18	6	12
5.	Thăm dò chức năng thận	18	6	12
6.	Dị dạng tiết niệu	18	6	12
7.	Hội chứng sinh dục thượng thận	18	6	12
8.	Một số bệnh lý di truyền ở trẻ em	18	6	12
9.	Suy giáp bẩm sinh	18	6	12

10.	Đái đường trẻ em	10.5	6	4.5
Tổng		172.5	60	112.5

4. Đề cương môn học

Bài 1: Sơ sinh nguy cơ cao

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Định nghĩa
2. Tiếp cận đánh giá trẻ sơ sinh nguy cơ cao
 - 2.1. Đánh giá ban đầu sau sinh.
 - 2.2. Đánh giá về hô hấp.
 - 2.3. Đánh giá về tuần hoàn.
3. Nguyên nhân.
 - 3.1. Đẻ non
 - 3.2. Suy hô hấp
 - 3.3. Vàng da
 - 3.4. Nhiễm khuẩn sơ sinh
 - 3.5. Bệnh bẩm sinh
 - 3.6. Rối loạn chuyển hóa
4. Xử trí hồi sức sau sinh cho trẻ sơ sinh nguy cơ cao
 - 4.1. Chăm sóc trẻ đẻ non
 - 4.2. Xử trí suy hô hấp
 - 4.3. Xử trí vàng da
 - 4.4. Xử trí nhiễm khuẩn sơ sinh
 - 4.5. Xử trí bệnh bẩm sinh
 - 4.6. Xử trí rối loạn chuyển hóa

Bài 2: Nuôi dưỡng trẻ Sơ sinh

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Đại cương
2. Chỉ định, chống chỉ định
3. Các bước thực hiện:
 - 3.1. Nuôi dưỡng qua đường miệng
 - 3.1. Nuôi dưỡng qua sonde dạ dày
 - 3.3. Nuôi dưỡng tĩnh mạch bán phần.
 - 3.4. Nuôi dưỡng tĩnh mạch hoàn toàn
4. Theo dõi bệnh nhân
 - 4.1. Cân nặng
 - 4.2. Thân nhiệt

4.3. Đường máu

4.4. Nhiễm trùng

Bài 3: Bù nước điện giải cho trẻ Sơ sinh

Số tiết: 22 (LT 2; TH 20)

5. Nhu cầu nước và điện giải ở trẻ sơ sinh

5.1. Nhu cầu hàng ngày

5.2. Lượng dịch mất

5.3. Điện giải

6. Đánh giá cân bằng nước điện giải

6.1. Bệnh sử

6.2. Khám lâm sàng

6.3. Các xét nghiệm cần làm

7. Xử trí bù nước, điện giải

7.1. Nguyên tắc bù nước, điện giải

7.2. Điều trị cụ thể

7.3. Tính lượng nước điện giải đã mất

7.4. Theo dõi đáp ứng điều trị

8. Xử trí rối loạn điện giải

8.1. Hạ Natri máu

8.2. Tăng Natri máu

8.3. Hạ Kali máu

8.4. Tăng Kali máu

8.5. Hạ canxi máu

8.6. Hạ Magie máu

Bài 4: Rối loạn nước điện giải

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Sinh lý của chuyển hoá nước - điện giải trong cơ thể trẻ em

1.1. Phân bố nước trong cơ thể trẻ em

1.2. Nhu cầu nước

1.3. Phân bố và nhu cầu điện giải

2. Điều trị mất nước

2.1. Tình trạng mất nước hay gặp ở trẻ em vì

2.2. Đánh giá mức độ mất nước

2.3. Đánh giá các loại mất nước (chỉ áp dụng khi bệnh nhân mất nước nặng)

2.4. Hậu quả của mất nước

2.5. Điều trị mất nước

2.5.1. Khi chưa có mất nước nặng :

- 2.5.2. Khi mất nước nặng
- 3. Điều trị rối loạn điện giải
 - 3.1. Tăng Natri máu
 - 3.3. Tăng Kali máu
 - 3.4. Hạ Lali máu
 - 3.5. Tăng Canxxi máu
 - 3.6. Hạ Canxi máu

Bài 5: Rối loạn thăng bằng toan kiềm

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

- 1. Một số khái niệm
 - 1.1. Hệ đệm
 - 1.2. Sự chuyển hoá CO₂
 - 1.3. Thận tham gia điều hoà toan kiềm
- 2. Rối loạn thăng bằng toan kiềm
 - 2.1. Các thuật ngữ và chỉ số
 - 2.1.1. Nhiễm toan:
 - 2.1.2. Nhiễm kiềm:
 - 2.1.3. Các chỉ số trong Astrup:
 - 2.1.4. Biến đổi những thông số chủ yếu trong rối loạn thăng bằng toan kiềm
 - 2.2. Các tình trạng nhiễm toan
 - 2.2. 1. Nguyên nhân:
 - 2.2. 2. Trẻ em hay bị nhiễm toan vì :
 - 2.2. 3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2. 4. Điều trị
 - 2.3. Các tình trạng nhiễm kiềm
 - 2.3.1. Nguyên nhân:
 - 2.3.2. Gợi ý lâm sàng:
 - 2.3.3. Điều trị

Bài 6: Shock trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

- 1. Đại cương
- 2. Cơ chế bệnh sinh và các giai đoạn của shock
- 3. Phân loại và nguyên nhân thường gặp
 - 3.1. Shock giảm thể tích tuần hoàn
 - 3.2. Giảm sức vận mạch :
 - 3.3. Giảm sức co bóp cơ tim

- 3.4. Shock phân ly:
- 4. Triệu chứng và nguyên tắc điều trị chung cho các loại shock
 - 4.1. Triệu chứng:
 - + Giai đoạn đầu:
 - + Giai đoạn thực sự của shock:
 - 4.2. Nguyên tắc chung trong điều trị shock
- 5. Một số vấn đề về sốc nhiễm khuẩn
 - 5.1. Định nghĩa
 - 5.2. Chẩn đoán
 - 5.3. Điều trị Sốc nhiễm khuẩn
 - 5.3.1. Sinh lý bệnh (theo Hollenberg và Parrillo)
 - 5.3.2. Điều trị
 - 5.3.3. Các chỉ tiêu, thông số và nhịp độ theo dõi
- 6. Điều trị Sốc giảm khối lượng tuần hoàn

Bài 7: Một số ngộ độc ở trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

- 1. Ngộ độc paracetamol
 - 1.1. Đại cương
 - 1.2. Chẩn đoán:
 - 1.3. Chẩn đoán xác định:
 - + Lâm sàng
 - + Cận lâm sàng
 - + Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định
 - 1.4. Chẩn đoán nguyên nhân
 - 1.5. Điều trị
 - 1.5.1. Nguyên tắc
 - 1.5.2. Điều trị cụ thể
 - 1.5.2.1 Xử trí ban đầu
 - 1.5.2.2 Tại bệnh viện:
 - + Duy trì chức năng sống
 - + Giải độc đặc hiệu
 - + Điều trị hỗ trợ
- 2. Ngộ độc chì ở trẻ em:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân
 - + Các nguồn gây ngộ độc

+ Đường vào

2.3. Dịch tễ

2.4. Cơ chế bệnh sinh

2.5. Hậu quả của nhiễm độc chì

+ Hậu quả ngộ độc chì tới hệ thống thần kinh

+ Hậu quả ngộ độc chì tới thận

+ Hậu quả ngộ độc chì tới tim mạch

2.6. Triệu chứng lâm sàng

2.7. Triệu chứng cận lâm sàng

+ Xét nghiệm máu

+ Chẩn đoán hình ảnh

2.8. Chẩn đoán

2.9. Điều trị

+ Mục đích điều trị

+ Điều trị nguyên nhân

+ Điều trị triệu chứng

+ Điều trị hỗ trợ

2.11. Theo dõi điều trị

Bài 8: Tổn thương thận cấp ở trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH

20)

1 . Định nghĩa:

2 . Nguyên nhân:

2.1 Chia theo cơ chế bệnh sinh:

* Suy thận trước thận

* Suy thận tại thận

* Suy thận sau

2.2. Chia nguyên nhân theo tuổi :

* Trẻ sơ sinh, thường gặp do:

* Trẻ bú mẹ:

* Trẻ lớn: hay gặp do các bệnh sau:

3 . Cơ chế bệnh sinh.

3.1. Giai đoạn thiếu niệu vô niệu:

* Giảm mức lọc cầu thận .

* Tái hấp thu hoàn toàn nước tiểu nguyên thủy ở ống thận.

3.2. Giai đoạn đa niệu nhược trương.

4 . Giải phẫu bệnh:

4.1. Suy thận cấp do những nguyên nhân bệnh lý tại nhu mô thận:

4.2. Suy thận cấp do những nguyên nhân choáng hoặc nhiễm độc:

* Đại thể :

* Vi thể:

5 . Triệu chứng lâm sàng:

5.1 Giai đoạn tổn thương:

5.2 Giai đoạn thiếu niệu - vô niệu:

5.3 Giai đoạn đa niệu :

5.4 Giai đoạn hồi phục:

6 . Cận lâm sàng :

* Xét nghiệm nước tiểu:

* Xét nghiệm máu:

* Siêu âm thận tiết niệu :

7 . Chẩn đoán suy thận cấp.

7.1 Chẩn đoán xác định:

7.2 Chẩn đoán phân biệt với đợt cấp của suy thận mãn:

7.3 Chẩn đoán nguyên nhân gây suy thận cấp:

8 . Điều trị suy thận cấp:

8.1 Giai đoạn tổn thương.

8.2 Điều trị suy thận cấp giai đoạn thiếu vô niệu.

* Dùng lợi tiểu mạnh:

* Chống tăng kali máu:

* Chống nhiễm toan:

* Điều trị hạ Can xi máu:

* Điều trị tăng huyết áp:

* Điều trị thiếu máu:

* Chống nhiễm trùng:

* Chạy thận nhân tạo:

* Chế độ ăn uống:

8.3 Điều trị giai đoạn đa niệu:

Bài 9: Hội chứng đái máu ở trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Trình bày được các nguyên nhân gây đái máu ở trẻ em?

2. Chẩn đoán và xử trí được các nguyên nhân gây đái máu hay gặp ở trẻ em.

Bài 10: Bệnh lý ống thận trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Trình bày được các bệnh ống thận hay gặp ở trẻ em?
2. Chẩn đoán và xử trí được các bệnh ống thận hay gặp ở trẻ em.

Bài 11: Bệnh viêm cầu thận bán cấp, mạn tính ở trẻ em Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Giải phẫu bệnh
4. Lâm sàng
5. Cận lâm sàng
6. Chẩn đoán
 - 6.1. Chẩn đoán xác định:
 - 6.2. Chẩn đoán giai đoạn:
 - 2.1. Giai đoạn viêm cầu thận mạn tiềm tàng:
 - 2.2. Giai đoạn viêm cầu thận mạn có triệu chứng:
 - 2.3. Giai đoạn viêm cầu thận mạn có hội chứng thận hư:
 - 2.4. Giai đoạn viêm cầu thận mạn suy thận:
3. Chẩn đoán phân biệt:
 - 3.1. Xơ mạch thận lành tính (cao huyết áp):
 - 3.2. Xơ mạch thận ác tính (cao huyết áp ác tính):
 - 3.3. Viêm thận bể thận mạn tính:
7. Điều trị
 - 7.1. Giai đoạn viêm cầu thận mạn chưa có suy thận:
 - 7.2. Giai đoạn viêm cầu thận mạn, suy thận mạn:

Bài 12: Thăm dò chức năng thận ở trẻ em

1. Trình bày được các xét nghiệm về chức năng thận hay gặp ở trẻ em?
2. Trình bày được các nghiệm pháp thăm dò chức năng thận hay gặp ở trẻ em?
 - 1.1 . Nhắc lại giải phẫu và sinh lý bộ máy tiết niệu trẻ em
 - 1.2 . Một số xét nghiệm về thận tiết niệu trẻ em
 - 1.3 . Một số nghiệm pháp thường dùng để đánh giá chức năng thận trẻ em

Bài 13: Dị dạng tiết niệu

Số tiết: 14 (LT 2; TH 12)

1. Trình bày được các thể lâm sàng dị dạng tiết niệu hay gặp ở trẻ em.
2. Quyết định được cách xử trí các thể lâm sàng dị dạng tiết niệu hay gặp ở trẻ em.

Bài 14: Hội chứng sinh dục thượng thận

Số tiết: 20 (LT 4; TH 16)

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Dịch tễ học:

2. Giải phẫu- sinh lý bình thường của vỏ thượng thận
 - 2.1. Giải phẫu của vỏ thượng thận
 - 2.2. Sinh lý của vỏ thượng thận:
3. Cơ chế bệnh sinh hội chứng sinh dục thượng thận
4. Triệu chứng lâm sàng:
 - 4.1. Thở cổ điển mất muối
 - 4.2. Thở nam hóa đơn thuần
 - 4.3. Thở không cổ điển
5. Cận lâm sàng
6. Chẩn đoán
 - 6.1. Chẩn đoán trước sinh
 - 6.2. Chẩn đoán dựa vào lâm sàng và xét nghiệm
 - 6.3. Chẩn đoán phân biệt
7. Điều trị
 - 7.1. Điều trị nội khoa
 - 7.1.1. Điều trị cấp cứu
 - 7.1.2. Điều trị duy trì
 - 7.1.3. Điều trị phòng cơn suy thượng thận cấp
 - 7.2. Điều trị ngoại khoa
8. Phòng bệnh:

Bài 15: Một số bệnh lý di truyền ở trẻ em

Số tiết: 20 (LT 4; TH 16)

1. Bệnh di truyền theo qui luật Mendel
 - 1.1. Di truyền trội gắn với nhiễm sắc thể thường- AD (Autosomal dominance)
 - 1.2. Di truyền lặn gắn với nhiễm sắc thể thường- AR(Autosomal recessive)
 - 1.3. Bệnh di truyền lặn liên kết với nhiễm sắc thể giới tính SLR (Sex-Linked-Recessive)
2. Bệnh nhiễm sắc thể
 - 2.1. Khái niệm chung
 - 2.2. Phương pháp phát hiện nhiễm sắc thể
 - 2.3. Công thức nhiễm sắc thể bình thường ở người. Những danh pháp qui định quốc tế
 - 2.4. Cơ chế gây rối loạn nhiễm sắc thể
 - 2.5. Nguyên nhân gây rối loạn nhiễm sắc thể
 - 2.6. Những hội chứng rối loạn nhiễm sắc thể (hay gặp trên lâm sàng)
 - 2.7. Khả năng điều trị và dự phòng

Bài 16: Suy giáp bẩm sinh

Số tiết: 10 (LT 2; TH 8)

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Dịch tễ học
 - 1.3. Quá trình tổng hợp hormon giáp trạng chứa Iốt.
2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh
 - 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Suy giáp trạng tiên phát
 - 2.1.2. Suy giáp trạng thứ phát
 - 2.1.3. Một số nguyên nhân khác
 - 2.2. Cơ chế bệnh sinh:
3. Triệu chứng lâm sàng SGT bẩm sinh
 - 3.1. Suy giáp trạng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ
 - 3.2. Suy giáp trạng ở trẻ lớn
 - 3.2.2. Chậm phát triển tinh thần vận động
 - 3.2.3. Rối loạn phát triển hình thái
 - 3.2.4. Thâm nhiễm da, niêm mạc, rối loạn lông tóc, móng.
 - 3.2.5. Triệu chứng hệ cơ:
 - 3.2.6. Các rối loạn khác
4. Cận lâm sàng
 - 4.1 Các xét nghiệm đặc hiệu:
 - 4.2 Xét nghiệm không đặc hiệu:
5. Chẩn đoán
 - 5.1. Chẩn đoán xác định
 - 5.2 Chẩn đoán nguyên nhân:
 - 5.3 Chẩn đoán phân biệt với:
6. Điều trị suy giáp trạng bẩm sinh
7. Tiên lượng
8. Phòng bệnh

Bài 17: Đái đường trẻ em

Số tiết: 10 (LT 2; TH 8)

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân gây đái tháo đường trẻ em
 - 2.1. Do di truyền
 - 2.2. Do miễn dịch
 - 2.3. Do các nguyên nhân khác

3. Cơ chế bệnh sinh
4. Triệu chứng
 - 4.1. Triệu chứng lâm sàng
 - * ĐTĐ không hôn mê:
 - * ĐTĐ có hôn mê:
 - 4.2. Biến chứng của ĐTĐ ở trẻ em
 - * Hôn mê đái tháo đường:
 - * Hạ đường huyết:
 - * Biến chứng nhiễm trùng:
 - * Chậm phát triển thể chất:
 - * Thoái hoá mao mạch: gây tổn thương nhiều cơ quan
 - * Một số biến chứng khác:
 - 4.3. Xét nghiệm
 - 4.3.1. Xét nghiệm đặc hiệu:
 - 4.3.2. Các xét nghiệm không đặc hiệu:
 - 4.3.3. Khám các chuyên khoa:
5. Chẩn đoán
 - 5.1. Chẩn đoán xác định:
 - 5.2. Chẩn đoán phân biệt:
6. Điều trị
 - 6.1. Insulin liệu pháp:
 - 6.2. Chế độ ăn uống và vận động:
 - 6.3. Điều trị hôn mê đái tháo đường:
 - 6.4. Theo dõi điều trị trẻ em ĐTĐ
6. 5. Tiến triển và tiên lượng:

5. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. (2007), “*Bài giảng Nhi khoa sau Đại học tập 1 và tập 2*” Nhà xuất bản Y học.

6. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh viện Nhi Trung ương (2015). Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em. NXB Y học.
3. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hải Phòng (2013), “*Bài giảng Nhi khoa*”, Nhà xuất bản Y học. Dùng cho đa khoa, Tập 1,2
4. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2011), *Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, Bệnh tiêu chảy cấp, tr 223-242

7. Nguyễn Công Khanh (2001), “Tiếp cận chẩn đoán Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

8 Bộ môn Nhi, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh,(1996), Nhi khoa tập II, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Bệnh tiêu chảy, tr 365-378.

9. Lê Đức Hình - Nguyễn Chương (2001) "Viêm não Nhật Bản". Thần kinh học trẻ em. Nhà xuất bản Y học, trang 177 - 190. (1994)

11. Trần Quy (2001) “Hen phế quản” Bài giảng Nhi khoa tập II, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, trang 308 - 321.

12. Cao Quốc Việt (2001), “Suy giáp trạng bẩm sinh”, Bài giảng Nhi khoa tập II. NXB Y học.

13. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2013), “Phác đồ điều trị Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học.

14. Nguyễn Công Khanh, Lê Thanh Hải (2015), “ Hướng dẫn, chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em”. Nhà xuất bản Y học.

15. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), “Thực hành cấp cứu Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

16. Nguyễn Ngọc Sáng, Hà Phan Hải Anh (2007), “ Hội chứng thận hư tiên phát ở người lớn và trẻ em”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

17. Hội Nhi khoa Việt Nam (2016), Sách giáo khoa nhi khoa: textbook of Pediatrics. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

7. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết: thuyết trình, hướng dẫn học viên tự đọc tài liệu
- Thực hành: thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm

8. Phương pháp lượng giá

- Lý thuyết: thi viết cải tiến
- Thực hành: case study, bảng kiểm, bệnh án, viết chuyên đề

Cấp chứng chỉ môn học

Chứng chỉ môn học chỉ cấp cho những học viên có đủ số lần kiểm tra, thi đạt từ 5 điểm trở lên.

MÔN HỌC 3: TUẦN HOÀN - HÔ HẤP

Mã số: Tuần hoàn - Hô hấp

10.5 ĐVHT (LT 3.5/52.5, TH 7/135)

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: *Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng.*

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng
2. PGS.TS. Đinh Văn Thúc
3. PGS.TS. Đặng Văn Chúc
4. PGS.TS. Nguyễn Khắc Sơn

Giảng viên thỉnh giảng:

1. BSCKII. Nguyễn Thị Thu Thủy
2. PGS.TS. Vũ Thị Thủy
3. BSCKII. Nguyễn Tuấn Tú

1. Mô tả môn học

Đây là môn học giúp cho học viên chẩn đoán và điều trị được các bệnh hay gặp về tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em.

2. Mục tiêu môn học

1. Chẩn đoán, điều trị được các bệnh hay gặp về tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em.
2. Tham vấn được cách nuôi dưỡng trẻ em mắc bệnh tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa và dinh dưỡng

3. Nội dung

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết		
		Tổng số	LT	TH
1	Suy tim		10	20
2	Bệnh lý cơ tim và van tim trẻ em		6	15
3	Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn		6	15
4	Viêm màng ngoài tim		6	15
5	Điện tâm đồ trẻ em		6	15
6	Suy hô hấp trẻ em		6	25
7	Viêm phổi Virus		6	15
8	Hen phế quản trẻ em		6.5	15
Tổng		187.5	52.5	135

4. Đề cương môn học

Bài 1: Suy tim ở trẻ em

Số tiết: 20 (LT 4; TH 16)

1. Định nghĩa
2. Đặc điểm giải phẫu và sinh lý tim trẻ nhỏ
3. Các nguyên nhân gây suy tim ở trẻ em
 - 3.1. Do nguyên nhân tại tim mạch
 - * Bệnh tim bẩm sinh
 - * Bệnh tim mắc phải
 - * Rối loạn nhịp
 - 3.2. Nguyên nhân ngoài tim
4. Triệu chứng lâm sàng suy tim ở trẻ em
 - 4.1. Suy tim ở trẻ nhỏ
 - 4.1.1. Triệu chứng cơ năng
 - 4.1.2. Triệu chứng thực thể
 - 4.2. Suy tim trẻ lớn
 - 4.2.1. Suy tim trái:
 - 4.2.2. Suy tim phải:
 - 4.2.3. Suy tim toàn bộ:
 - 4.3. Cận lâm sàng

- 4.4. Phân độ suy tim:
- 5. Điều trị suy tim
 - 5.1. Nguyên tắc:
 - 5.2. Điều trị cụ thể
 - 5.2.2. Chế độ ăn và uống:
 - 5.2.3. Thuốc lợi tiểu:
 - 5.2.4. Thuốc trợ tim:
 - 5.2.5. Bù Kali
 - 5.2.6. Điều hỗ trợ và các nguyên nhân gây suy tim
- 6. Phòng bệnh suy tim
- 7. Phương pháp lượng giá: thi viết cải tiến

Bài 2: Bệnh lý cơ tim và van tim trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

- 1. Khái niệm
- 2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.1. Triệu chứng tổng quát
 - 2.2. Triệu chứng tại tim
 - 2.3. Triệu chứng suy tim
 - 2.4. Cơn đau vùng trước tim
 - 2.5. Tử vong đột ngột
- 3. Cận lâm sàng
 - 3.1. Xét nghiệm máu
 - 3.2. X-quang
 - 3.3. Điện tâm đồ
 - 3.5. Một số xét nghiệm khác
- 4. Các thể lâm sàng của viêm cơ tim
 - 4.1. Viêm cơ tim do bạch hầu
 - 4.2. Viêm cơ tim do thương hàn
 - 4.3. Viêm cơ tim do não mô cầu
 - 4.4. Viêm cơ tim do siêu vi trùng
 - a. Virus Cocksackie nhóm B
 - b. Sởi
 - c. Quai bị
 - d. Sốt bại liệt
- 5. Bệnh van tim do thấp
 - 5.1. Hở hai lá

- 5.2. Hẹp hai lá
- 5.3. Hở van động mạch chủ
- 5.4. Điều trị

Bài 3: Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn

Số tiết: 18 (LT 2; TH 16)

1. Khái niệm
2. Chẩn đoán xác định (tiêu chuẩn Duke)
 - 2.1. Tiêu chuẩn chính
 - 2.2. Tiêu chuẩn phụ
3. Điều trị nội khoa
 - 3.1. Nguyên tắc điều trị
 - 3.2. Điều trị cụ thể
 - 3.3. Điều trị ngoại khoa
4. Phòng bệnh

Bài 4: Viêm màng ngoài tim

Số tiết: 20 (LT 4; TH 16)

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng
 - Đau ngực
 - Khó thở
 - Ho khan
 - Nghẹn
 - Tiếng cọ màng tim
 - Gõ thấy vùng đục của tim
 - Tiếng tim mờ
 - Hội chứng chèn ép tim: mạch nghịch, ứ đọng máu tĩnh mạch của đại tuần hoàn như phù, tĩnh mạch cổ nổi, gan to.
4. Cận lâm sàng
 - 4.1. Xét nghiệm máu
 - 4.2. X- quang tim phổi
 - 4.3. Điện tâm đồ
 - 4.4. Siêu âm
 - 4.5. Quét phóng xạ
 - 4.6. Chọc dò màng tim
5. Một số thể lâm sàng của viêm màng ngoài tim
 - 5.1. Viêm màng ngoài tim do thấp tim

- 5.2. Viêm màng ngoài tim do virus
- 5.3. Viêm màng ngoài tim do vi trùng gây mủ
- 5.4. Viêm màng ngoài tim do lao
- 5.5. Viêm màng ngoài tim do các bệnh collagen
- 5.6. Viêm màng ngoài tim do ure máu cao
- 5.7. Trần máu màng ngoài tim do chấn thương
- 5.8. Các bệnh thiếu máu mạn tính
- 5.9. Viêm màng ngoài tim do co thắt mạn tính
- 5.10. Hội chứng sau mổ màng tim

Bài 5: Điện tâm đồ trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

- 1. Định nghĩa
- 2. Cách mắc điện tâm đồ
- 3. Các bước đọc điện tâm đồ trẻ em
 - 3.1. Kỹ thuật ghi điện tim
 - 3.2. Trục điện tim
 - 3.3. Các tư thế điện học của tim
 - 3.4. Các sóng ở chuyển đạo ngoại biên
 - Sóng P
 - Khoảng PQ
 - phức bộ QRS
 - Khoảng QT
- 4. Những hội chứng lớn về điện tâm đồ
 - 4.1. Tăng gánh nhĩ
 - 4.2. Tăng gánh thất
 - 4.3. Block nhánh
 - 4.4. Hội chứng W-P-W
- 5. Các rối loạn nhịp tim

Bài 6: Suy hô hấp trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

- 1. Định nghĩa
- 2. Nguyên nhân
 - 2.1. Bệnh đường hô hấp
 - 2.1.1. Do tắc nghẽn ở đường hô hấp trên
 - 2.1.2. Do bệnh ở đường hô hấp dưới
 - 2.2. Các bệnh tim mạch và máu:
 - 2.3. Bệnh của hệ thần kinh, cơ:

3. Chẩn đoán
 - 3.1. Chẩn đoán xác định
 - 3.1.1. Lâm sàng
 - 3.1.2. Cận lâm sàng
 - 3.2. Chẩn đoán nguyên nhân

4. Xử trí
 - 4.1. Làm thông đường hô hấp
 - 4.2. Liệu pháp oxy
 - 4.2.1. Chỉ định
 - 4.2.2. Phương pháp thở oxy
 - 4.3. Đảm bảo lưu lượng tuần hoàn tối thiểu:
 - 4.4. Điều chỉnh thăng bằng toan - kiềm:

Bài 7: Viêm phổi Virus

Số tiết: 20 (LT 4; TH 16)

1. Trình bày được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh viêm phổi do vi rút.
2. Chẩn đoán và xử trí được bệnh nhi bị viêm phổi do vi rút.

Bài 8: Hen phế quản trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Dịch tễ học
4. Bệnh sinh
 - 4.1. Do cơ chế miễn dịch
 - 4.2. Do ức chế thụ thể β - Adrenergic
 - 4.3. Tăng tiết Cholin
 - 4.4. Thiếu năng tuỷ thượng thận
 - 4.5. Do tổn thương niêm mạc phế quản
5. Phân loại hen phế quản
 - 5.1. Phân loại theo nguyên nhân sinh bệnh
 - 5.1.1. Hen phế quản không dị ứng
 - 5.1.2. Hen phế quản dị ứng
 - 5.2. Phân loại cơn hen theo mức độ
 - 5.2.1. Phân loại cơn hen phế quản cấp theo mức độ
 - 5.2.2. Phân loại cơn hen phế quản mạn theo tính chất tái phát
6. Triệu chứng:
 - 6.1. Triệu chứng cơ năng
 - 6.2. Triệu chứng thực thể:

6.3 Triệu chứng cận lâm sàng

7. Chẩn đoán: Chẩn đoán HPQ thực hiện các tuyến y tế kể cả tuyến y tế cơ sở

7.1 Chẩn đoán xác định

7.2 Chẩn đoán phân biệt

8. Điều trị

8.1 Điều trị cơn khó thở

8.2. Điều trị khác

9. Phòng tái phát

Bài 9: Lao trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Đại cương
2. Tác nhân gây bệnh
 - 2.1. Một số đặc điểm sinh học vi khuẩn Lao
 - 2.2. Phân loại vi khuẩn Lao.
3. Dịch tễ học
 - 3.1. Tình hình dịch tễ học về Lao trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam
 - 3.2. Nguồn lây
 - 3.3. Yếu tố thuận lợi
4. Đáp ứng miễn dịch:
 - 4.1. Nhiễm lao
 - 4.2. Bệnh lao
5. Lâm sàng và cận lâm sàng
 - 5.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 5.2. Các phương pháp cận lâm sàng chẩn đoán Lao.
 - 5.3. Chẩn đoán bệnh Lao bằng phản ứng huyết thanh và một số kỹ thuật hiện đại
6. Một số thể lao trẻ em
 - 6.1. Lao sơ nhiễm.
 - 6.2. Lao màng não
 - 6.3. Lao kê
 - 6.4. Lao phổi, màng phổi trẻ em
 - 6.5. Lao màng bụng
 - 6.6. Lao hạch
 - 6.7. Lao xương khớp
7. Điều trị
8. Phòng bệnh

5. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. (2007), “*Bài giảng Nhi khoa sau Đại học tập 1 và tập 2*” Nhà xuất bản Y học.

6. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh viện Nhi Trung ương (2015). Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em. NXB Y học.

3. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hải Phòng (2013), “*Bài giảng Nhi khoa*”, Nhà xuất bản Y học. Dùng cho đa khoa, Tập 1,2

4. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2011), *Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, *Bệnh tiêu chảy cấp*, tr 223-242

7. Nguyễn Công Khanh (2001), “*Tiếp cận chẩn đoán Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

8 Bộ môn Nhi, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh,(1996), *Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, *Bệnh tiêu chảy*, tr 365-378.

9. Lê Đức Hình - Nguyễn Chương (2001) "*Viêm não Nhật Bản*". Thần kinh học trẻ em. Nhà xuất bản Y học, trang 177 - 190. (1994)

11. Trần Quy (2001) “*Hen phế quản*” *Bài giảng Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, trang 308 - 321.

12. Cao Quốc Việt (2001), “*Suy giáp trạng bẩm sinh*”, *Bài giảng Nhi khoa tập II*. NXB Y học.

13. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2013), “*Phác đồ điều trị Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học.

14. Nguyễn Công Khanh, Lê Thanh Hải (2015), “*Hướng dẫn, chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em*”. Nhà xuất bản Y học.

15. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), “*Thực hành cấp cứu Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

16. Nguyễn Ngọc Sáng, Hà Phan Hải Anh (2007), “*Hội chứng thận hư tiên phát ở người lớn và trẻ em*”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

17. Hội Nhi khoa Việt Nam (2016), *Sách giáo khoa nhi khoa: textbook of Pediatrics*. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

7. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết: thuyết trình, hướng dẫn học viên tự đọc tài liệu
- Thực hành: thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm

8. Phương pháp lượng giá

- Lý thuyết: thi viết cải tiến
 - Thực hành: case study, bảng kiểm, bệnh án, viết chuyên đề
- Cấp chứng chỉ môn học

Chứng chỉ môn học chỉ cấp cho những học viên có đủ số lần kiểm tra, thi đạt từ 5 điểm trở lên.

MÔN HỌC 4:
TIÊU HÓA - DINH DƯỠNG

Mã số: Tuần hoàn - Hô hấp

10.5 ĐVHT (LT 3.5/52.5, TH 7/135)

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: *Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng.*

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng
2. PGS.TS. Đinh Văn Thức
3. PGS.TS. Đặng Văn Chức
4. PGS.TS. Nguyễn Khắc Sơn

Giảng viên thỉnh giảng:

1. BSCKII. Nguyễn Thị Thu Thủy
2. PGS.TS. Vũ Thị Thủy
3. BSCKII. Nguyễn Tuấn Tú

1. Mô tả môn học

Đây là môn học giúp cho học viên chẩn đoán và điều trị được các bệnh hay gặp về tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em.

2. Mục tiêu môn học

1. Chẩn đoán, điều trị được các bệnh hay gặp về tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em.
2. Tham vấn được cách nuôi dưỡng trẻ em mắc bệnh tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa và dinh dưỡng

3. Nội dung

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết		
		Tổng số	LT	TH
1.	Hội chứng xuất huyết tiêu hoá ở trẻ em	24	4	20
2.	Loét dạ dày tá tràng ở trẻ em	24	4	20
3.	Viêm gan mạn trẻ em	24	4	20
4.	Tiêu chảy kéo dài	24	4	20
5.	Hội chứng kém hấp thu ở trẻ em	24	4	20
6.	Thăm dò chức năng ruột non	24	4	20
7.	Các bệnh thiếu Vi chất dinh dưỡng ở trẻ em	18	2	16

Tổng	360	60	300
-------------	------------	-----------	------------

Bài 9: Lao trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

9. Đại cương
10. Tác nhân gây bệnh
 - 10.1. Một số đặc điểm sinh học vi khuẩn Lao
 - 10.2. Phân loại vi khuẩn Lao.
11. Dịch tễ học
 - 11.1. Tình hình dịch tễ học về Lao trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam
 - 11.2. Nguồn lây
 - 11.3. Yếu tố thuận lợi
12. Đáp ứng miễn dịch:
 - 12.1. Nhiễm lao
 - 12.2. Bệnh lao
13. Lâm sàng và cận lâm sàng
 - 13.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 13.2. Các phương pháp cận lâm sàng chẩn đoán Lao.
 - 13.3. Chẩn đoán bệnh Lao bằng phản ứng huyết thanh và một số kỹ thuật hiện đại
14. Một số thể lao trẻ em
 - 14.1. Lao sơ nhiễm.
 - 14.2. Lao màng não
 - 14.3. Lao kê
 - 14.4. Lao phổi, màng phổi trẻ em
 - 14.5. Lao màng bụng
 - 14.6. Lao hạch
 - 14.7. Lao xương khớp
15. Điều trị
16. Phòng bệnh

Bài 10: Hội chứng xuất huyết tiêu hoá ở trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Trình bày được các nguyên nhân gây xuất huyết tiêu hóa ở trẻ em.
2. Chẩn đoán và xử trí được bệnh nhi bị xuất huyết tiêu hóa.

Bài 11: Loét dạ dày tá tràng ở trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Định nghĩa:
2. Dịch tễ học:
3. Giải phẫu và sinh lý học dạ dày tá tràng:
 - 3.1. Giải phẫu:

3.2 Tổ chức học:

3.3 về sinh lý học

4. Bệnh nguyên bệnh sinh:

4.1. Sự mất thăng bằng giữa các yếu tố gây loét và các yếu tố bảo vệ :

* Các yếu tố gây loét

* Các yếu tố bảo vệ

* Vị trí của các yếu tố gây loét và các yếu tố bảo vệ

4.2. Helicobacter Pylory (HP)

* Vi khuẩn học

* Đường nhiễm HP và tần số nhiễm

4.3. Cơ chế gây bệnh viêm loét dạ dày tá tràng

5. Triệu chứng lâm sàng:

5.1. Đau bụng

5.2. Có ợ hơi, ợ chua

5.3. Nôn

6. Chẩn đoán:

7. Điều trị:

8. Phòng bệnh

Bài 12: Viêm gan mạn tính ở trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Trình bày được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh viêm gan mạn ở trẻ em.

2. Chẩn đoán và xử trí được bệnh nhi bị viêm gan mạn.

Bài 13: Tiêu chảy kéo dài

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Định nghĩa và phân loại

2. Dịch tễ học

2.1. Tỷ lệ mắc và tỷ lệ tử vong

2.2. Đường lây truyền

2.3. Yếu tố nguy cơ mắc bệnh TCC

2.3.1. Yếu tố vật chủ làm tăng tính cảm thụ đối với bệnh TCC

2.3.2. Tính chất mùa: có sự khác biệt theo mùa và địa dư

2.3.3. Những tập quán làm tăng nguy cơ tiêu chảy

2.3.4. Bệnh tiêu chảy có thể lan rộng gây các vụ dịch: tả, lị...

2.4. Tác nhân gây bệnh

3. Sinh lý bệnh của TCC

3.1. Sinh lý trao đổi nước bình thường của ruột non (xem sinh lý học)

3.2. Bệnh sinh tiêu chảy

- 3.2.1. Virus
- 3.2.2. Vi khuẩn
 - * Bám dính niêm mạc:
 - * Các độc tố gây tiết dịch:
 - * Xâm nhập niêm mạc
- 3.2.3. Đơn bào
- 4. Hậu quả của tiêu chảy phân nước.
 - 4.1. Mất nước, mất Natri
 - * Mất nước đẳng trương: lượng nước và muối mất tương đương
 - * Mất nước ưu trương: mất nước nhiều hơn mất muối (tăng natri máu)
 - * Mất nước nhược trương: mất muối nhiều hơn mất nước
 - 4.2. Nhiễm toan chuyển hoá
 - 4.3. Thiếu Kali
- 5. Triệu chứng lâm sàng của TCC
 - 5.1. Triệu chứng tiêu hoá
 - 5.2. Triệu chứng mất nước
 - 5.3. Dấu hiệu toàn thân
 - 5.4. Một số triệu chứng theo nguyên nhân hay gặp:
 - 5.5. Xét nghiệm CLS:
- 6. Chẩn đoán:
 - 6.1. Phân loại độ mất nước
 - 6.2. Phân loại mất nước và xử trí theo tuyến
- 7. Điều trị:
 - 7.1. Bồi phụ nước và điện giải
 - 7.1.1. Phác đồ A:
 - 7.1.2. Phác đồ B:
 - 7.1.3. Phác đồ C:
 - 7.2. Dinh dưỡng khi tiêu chảy:
 - 7.3. Điều trị nhiễm khuẩn:
 - 7.4. Không dùng thuốc chống nôn, cầm ỉa
 - 7.5. Điều trị triệu chứng:
- 8. Phòng bệnh:

Bài 14: Hội chứng kém hấp thu ở trẻ em

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

- 1. Đại cương

2. Sinh bệnh học
 - 2.1. Hấp thu cacbonhydrate
 - 2.2. Protein
 - 2.3. Lipid
3. Lâm sàng
 - 3.1. Khai thác bệnh sử
 - 3.2. Khám lâm sàng
4. Cận lâm sàng
 - Xét nghiệm phân
 - Mô bệnh học mảnh sinh thiết ruột hồng tràng
 - Xét nghiệm nước tiểu
 - Các xét nghiệm hình ảnh
 - Xét nghiệm máu
 - Các test phát hiện kém hấp thu các chất
5. Chẩn đoán
 - Chẩn đoán xác định
 - Chẩn đoán phân biệt
6. Kém hấp thu trong một số bệnh và nguyên nhân thường gặp
 - 6.2. Kém hấp thu do nguyên nhân nhiễm trùng và KST đường ruột
 - 6.3. Hội chứng ứ đọng.
 - 6.4. Nguyên nhân do thiếu men tiêu hóa.
 - 6.5. Các nguyên nhân do miễn dịch.
 - 6.6. Các hội chứng kém hấp thu khác.
 - + Nhạy cảm với sữa bò
 - + Nhạy cảm với protein đậu nành
 - + Bệnh Celiac.

Bài 15: Thăm dò chức năng ruột non

Số tiết: 24 (LT 4; TH 20)

1. Giải phẫu- sinh lý bình thường của ruột non
 1. 1. Giải phẫu của ruột non
 - 1.1.1. Giải phẫu đại cương.
 - 1.1.2. Siêu cấu trúc niêm mạc ruột non
 1. 2. Sinh lý của ruột non:
 - 1.2.1. Chức năng cơ học.
 - 1.2.2. Chức năng hấp thu.
 - 1.2.3. Chức năng miễn dịch.

2. Các phương pháp thăm dò chức năng ruột non

2.1. Lâm sàng

- 1.1. Hỏi bệnh
- 1.2. Thăm khám bệnh

2.2. Cận lâm sàng

- 2.2.1. X- quang
- 2.2.2. Soi và sinh thiết ruột non.
- 2.2.3. Hút dịch nhày ruột non làm xét nghiệm.
- 2.2.4. Thăm dò chức năng cơ học
- 2.2.5. Thăm dò chức năng tiêu hóa và hấp thu

Bài 16: Các bệnh thiếu Vi chất dinh dưỡng ở trẻ em *Số tiết: 18 (LT 2; TH 16)*

1. Khái niệm vi chất dinh dưỡng

2. Vai trò của Vi chất dinh dưỡng với dinh dưỡng và sức khỏe trẻ em

3. Thiếu Sắt

3.1. Sắt trong tự nhiên và cơ thể con người.

3.2. Phân bố sắt trong cơ thể.

3.3. Vai trò của sắt trong cơ thể.

3.3.1. Vận chuyển và lưu trữ oxy

3.3.2. Tham gia cấu tạo các enzym và các protein.

3.3.3. Với các tế bào hồng cầu, bạch cầu.

3.4. Hấp thu chuyển hoá và yếu tố ảnh hưởng

3.4.1. Quá trình hấp thu sắt:

3.4.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến sắt không Hem.

3.4.2.1. Yếu tố tăng cường hấp thu:

3.4.2.2. Yếu tố ức chế hấp thu

3.4.3. Vận chuyển và chuyển hoá

3.5. Nhu cầu sắt.

3.6. Nguồn cung cấp sắt trong thực phẩm

3.7. Đánh giá thiếu máu trẻ em tại cộng đồng.

3.7.1. Triệu chứng lâm sàng.

3.7.2. Cận lâm sàng.

4. Bệnh do thiếu kẽm

4.1. Vai trò của kẽm trong cơ thể.

4.1.1. Với các Enzyme:

4.1.2. Với quá trình phân chia tế bào và phát triển cơ thể.

4.1.3. Chức năng miễn dịch.

4.1.4. Điều hoà vị giác và tạo cảm giác ngon miệng.

4.1.5. Chức năng nhìn.

4.2. Nguyên nhân thiếu kẽm.

4.2.1. Chế độ ăn thiếu kẽm.

4.2.2. Do bệnh tật.

4.3. Chẩn đoán thiếu kẽm.

4.3.1. Lâm sàng.

4.3.2. Điều tra khẩu phần.

4.3.3. Cận lâm sàng.

4.3.4. Test chức năng.

4.4. Biện pháp phòng chống.

4.4. 1. Đa dạng hoá bữa ăn.

4.4. 2. Bổ sung kẽm nguyên tố.

4.4. 3. Bổ sung kẽm vào thực phẩm.

4.4.4. Can thiệp vào yếu tố cản trở hấp thu kẽm.

4.4.5. Phòng chống nhiễm ký sinh trùng và vệ sinh môi trường.

5. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. (2007), “*Bài giảng Nhi khoa sau Đại học tập 1 và tập 2*” Nhà xuất bản Y học.

6. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh viện Nhi Trung ương (2015). Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em. NXB Y học.

3. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hải Phòng (2013), “*Bài giảng Nhi khoa*”, Nhà xuất bản Y học. Dùng cho đa khoa, Tập 1,2

4. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2011), *Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, Bệnh tiêu chảy cấp, tr 223-242

7. Nguyễn Công Khanh (2001), “Tiếp cận chẩn đoán Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

8 Bộ môn Nhi, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh,(1996), Nhi khoa tập II, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Bệnh tiêu chảy, tr 365-378.

9. Lê Đức Hình - Nguyễn Chương (2001) "Viêm não Nhật Bản". Thần kinh học trẻ em. Nhà xuất bản Y học, trang 177 - 190. (1994)

11. Trần Quy (2001) “Hen phế quản” Bài giảng Nhi khoa tập II, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, trang 308 - 321.

12. Cao Quốc Việt (2001), “Suy giáp trạng bẩm sinh”, Bài giảng Nhi khoa tập II. NXB Y học.

13. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2013), “ Phác đồ điều trị Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học.

14. Nguyễn Công Khanh, Lê Thanh Hải (2015), “ Hướng dẫn, chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em”. Nhà xuất bản Y học.

15. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), “Thực hành cấp cứu Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

16. Nguyễn Ngọc Sáng, Hà Phan Hải Anh (2007), “ Hội chứng thận hư tiên phát ở người lớn và trẻ em”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

17. Hội Nhi khoa Việt Nam (2016), Sách giáo khoa nhi khoa: textbook of Pediatrics. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

7. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết: thuyết trình, hướng dẫn học viên tự đọc tài liệu
- Thực hành: thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm

8. Phương pháp lượng giá

- Lý thuyết: thi viết cải tiến
- Thực hành: case study, bảng kiểm, bệnh án, viết chuyên đề

Cấp chứng chỉ môn học

Chứng chỉ môn học chỉ cấp cho những học viên có đủ số lần kiểm tra, thi đạt từ 5 điểm trở lên.

MÔN HỌC 5

HUYẾT HỌC - THẦN KINH - KHỚP - NHI CHUNG

Mã số: Huyết học - Thần kinh - Khớp - Nhi chung

11.5 ĐVHT (LT 4/60, TH 7.5/112.5)

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: *Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng.*

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng
2. PGS.TS. Đinh Văn Thức
3. PGS.TS. Đặng Văn Chức
4. PGS.TS. Nguyễn Khắc Sơn
5. TS. Vũ Văn Quang

Giảng viên thỉnh giảng:

1. BSCKII. Trần Ngọc Hòa
2. BSCKII. Nguyễn Bích Vân
3. BSCKII. Phạm Văn Dương

1. Mô tả môn học

Đây là môn học giúp cho học viên chẩn đoán và điều trị được các bệnh hay gặp về huyết học, thần kinh, tim mạch, khớp ở trẻ em. Giúp giải quyết được một số vấn đề chung trong lĩnh vực Nhi khoa.

2. Mục tiêu môn học

1. Chẩn đoán, điều trị được các bệnh hay gặp về huyết học, thần kinh, tim mạch khớp ở trẻ em.
2. Giải quyết được một số vấn đề chung trong lĩnh vực Nhi khoa.

3. Nội dung

TT	Tên bài	Số tiết học		
		Tổng số	LT	TH
1	Viêm đa khớp dạng thấp	22	12	10
2	U lympho	22	12	10
3	Beta – thalassemia	22	12	10
4	Chỉ định và tai biến truyền máu	22	12	10
5	Hội chứng suy giảm miễn dịch	22	12	10
6	Động kinh trẻ em	22	12	10
7	Sốt cao co giật	28	12	16
8	Sốt kéo dài ở trẻ em	28	12	16
9	Sử dụng thuốc ở trẻ em	22	12	10
10	Sử dụng Corticoid ở trẻ em	22.5	12	10.5
Tổng		172.5	60	112.5

4. Đề cương môn học

Bài 1: Viêm đa khớp dạng thấp

Số tiết 40 (LT 8, TH 32)

1. Khái niệm
2. Các thể lâm sàng
 - 2.1. Thể bệnh hệ thống (systemic arthritis) hay còn gọi là bệnh Still ở trẻ em
 - 2.2. Viêm một khớp hay vài khớp (Oligoarthritis):
 - 2.3. Viêm nhiều khớp yếu tố dạng thấp âm tính (polyarthritis, RF negative)
 - 2.4. Viêm nhiều khớp yếu tố dạng thấp dương tính (polyarthritis, RF positive):
 - 2.5. Viêm khớp thể viêm nhiều điểm bám tận (enthesitis related arthritis),
 - 2.7. Viêm khớp vẩy nến (psoriatic arthritis)
 - 2.8. Viêm khớp vẩy nến (psoriatic arthritis):
3. Các xét nghiệm cận lâm sàng cần làm
 - 3.1. XN máu:
 - Công thức máu
 - Máu lắng
 - 3.2. XQ
 - 3.3. Các xét nghiệm miễn dịch di truyền

Bài 2: U lympho

Số tiết 36 (LT 8, TH 28)

1. Bệnh hodgin
 - 1.1. Nguyên nhân và dịch tế học
 - 1.2. Lâm sàng
 - 1.3. Xét nghiệm chẩn đoán
 - 1.4. Phân loại mô bệnh học
 - 1.5. Giai đoạn lâm sàng
 - 1.6. Điều trị
 - 1.7. Theo dõi điều trị
2. U lympho không hodgin
 - 2.1. Nguyên nhân và dịch tế học
 - 2.2. Lâm sàng
 - 2.3. Xét nghiệm chẩn đoán
 - 2.4. Phân loại mô bệnh học
 - 2.4.1. Giai đoạn lâm sàng
 - 2.4.2. Điều trị
 - 2.4.3. Theo dõi điều trị

Bài 3: Beta - thalassemia

Số tiết 36 (LT 4, TH 32)

1. Nhắc lại cấu trúc Hb bình thường
 - 1.1. Cấu trúc Hb bình thường
 - 1.2. Thành phần sinh lý Hb
 - 1.3. Phân loại Hb bệnh lý
2. Thalasemia
 - 2.1. Alpha Thalasemia
 - 2.2. Beta Thalasemia
3. Dịch tế
4. Bệnh sinh
5. Lâm sàng và chẩn đoán Beta Thalasemia
 - 5.1. Beta Thalasemia thể ỏ
 - 5.2. Beta Thalasemia thể dị hợp tử
 - 5.3. Beta Thalasemia thể nặng.
 - 5.4. Beta Thalasemia thể trung gian.
 - 5.5. Theo dõi đáp ứng điều trị
6. Điều trị

- 6.1. Truyền máu
- 6.2. Thải sắt.
- 6.3. Cắt lách.
- 6.4. Các biện pháp khác

Bài 4: Chỉ định và tai biến truyền máu

Số tiết 36 (LT 8, TH 28)

1. Chỉ định truyền máu
 - 1.1. Mục đích truyền máu và chế phẩm máu
 - 1.2. Chỉ định truyền máu và các chế phẩm máu
 - 1.2.1. Máu toàn phần
 - 1.2.2. Khối hồng cầu đậm đặc
 - 1.2.3. Khối hồng cầu có dung dịch bảo quản
 - 1.2.4. Khối hồng cầu rửa
 - 1.2.5. Khối hồng cầu đông lạnh
 - 1.2.6. Khối tiểu cầu
 - 1.2.7. Chế phẩm máu lọc bạch cầu
 - 1.2.8. Chế phẩm máu chiếu xạ
 - 1.2.9. Huyết tương tươi đông lạnh
 - 1.2.10. Huyết tương đông lạnh
 - 1.2.11. Tủa lạnh yếu tố VIII
 - 1.2.12. Các sản phẩm protein tinh chế
 - 1.2.12.1. Các yếu tố đông máu:
 - Yếu tố VIII cô đặc
 - Yếu tố IX cô đặc
 - Phức hợp prothrombin cô đặc
 - Yếu tố VIIa tái tổ hợp
 - 1.2.12.2. Các chế phẩm immunoglobulin
2. Tai biến truyền máu
 - 2.1. Khái niệm về tai biến truyền máu
 - 2.2. Xếp loại các tai biến truyền máu
 - 2.3. Chẩn đoán
 - 2.3.1. Các nhóm dấu hiệu và biểu hiện sớm lâm sàng tai biến truyền máu
 - 2.3.2. Định hướng chẩn đoán
 - 2.4. Xét nghiệm
 - 2.4.1. Các xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán
 - 2.4.2. Các xét nghiệm đánh giá tiến triển, tiên lượng tình trạng bệnh lý

- 2.5. Xử trí điều trị
- 2.5.1. Xử trí chung
- 2.5.2. Xử trí một số trường hợp cụ thể

Bài 5: Hội chứng suy giảm miễn dịch

Số tiết 36 (LT 8, TH 28)

- 1. Định nghĩa.
- 2. Phân loại
- 3. Triệu chứng lâm sàng
- 4. Triệu chứng cận lâm sàng:
 - 4.1. Xét nghiệm sàng lọc chẩn đoán
 - 4.2. Xét nghiệm đặc hiệu
- 5. Điều trị
 - 5.1. Đặc hiệu
 - 5.2. Điều trị triệu chứng
 - 5.3. Theo dõi điều trị
- 6. Các sàng lọc khác
- 7. Tiêm chủng
- 8. Tư vấn di truyền
- 9. Quản lý bệnh nhân

Bài 6: Động kinh trẻ em

Số tiết 36 (LT 4, TH 32)

- 1. Định nghĩa
- 2. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh.
 - 2.1. Nguyên nhân mắc bệnh động kinh theo nhóm tuổi
 - 2.2. Cơ chế sinh bệnh.
- 3. Phân loại quốc tế về động kinh, 1989.
 - 3.1. Động kinh và hội chứng cục bộ
 - 3.2. Động kinh và hội chứng toàn bộ. .
 - 3.3. ĐK toàn thể căn nguyên ẩn hoặc triệu chứng
 - 3.4. ĐK toàn thể không có nguyên nhân đặc hiệu
 - 3.5. ĐK toàn thể với các hội chứng đặc hiệu
 - 3.6. ĐK và hội chứng không xác định được cục bộ hay toàn bộ
 - 3.7. Hội chứng đặc hiệu
- 4. Đặc điểm lâm sàng các cơn động kinh.
 - 4.1. Đ K toàn thể.
 - 4.1.1. ĐK toàn thể nguyên phát.
 - 4.1.2. Đ K toàn thể căn nguyên ẩn hoặc ĐK triệu chứng.

4.2. Động kinh cục bộ

5. Chẩn đoán:

5.1. Lâm sàng.

5.2. Các xét nghiệm cận lâm sàng.

6. Điều trị bệnh động kinh:

6.1. Các thuốc kháng động kinh

6.2. Tương tác thuốc

6.3. Tác dụng phụ của thuốc kháng động kinh

6.4. Khuyến cáo của Tổ chức Y Tế thế giới về điều trị ĐK.

Bài 7: Sốt cao co giật

Số tiết 36 (LT 4, TH 32)

1. Định nghĩa, cơ chế bệnh sinh của sốt ở trẻ em

1.1. Định nghĩa

1.2. Cơ chế bệnh sinh của sốt

1.3. Đặc điểm điều hoà thân nhiệt ở trẻ em

1.4. Hậu quả của sốt ở trẻ em

2. Phân loại sốt

2.1. Theo mức độ

2.2. Theo thời gian:

2.3. Theo kiểu sốt

2.4. Những vị trí đo nhiệt độ cơ thể

3. Nguyên nhân của sốt

3.1. Sốt cấp tính

3.2. Sốt kéo dài

3.2.1. Nguyên nhân do các bệnh nhiễm trùng

3.2.2. Sốt kéo dài do bệnh của tổ chức tân (tổ chức tạo máu)

3.2.3. Sốt kéo dài do bệnh của tổ chức liên kết

3.2.4. Sốt kéo dài do các nguyên nhân khác

4. Sốt và sốt cao co giật

4.1. Tiếp cận chẩn đoán bệnh nhi co giật

4.2. Chẩn đoán bệnh nhi sốt cao co giật

4.3. Xử trí bệnh nhi sốt

4.4. Xử trí bệnh nhi sốt cao co giật

Bài 8: Sốt kéo dài ở trẻ em

Số tiết 40 (LT 8, TH 32)

1. Trình bày được các nguyên nhân gây sốt kéo dài ở trẻ em.

2. Chẩn đoán và xử trí được các nguyên nhân gây sốt kéo dài hay gặp ở trẻ em.

Bài 9: Sử dụng thuốc ở trẻ em

Số tiết 32 (LT 4, TH 28)

1. Các đường đưa thuốc vào cơ thể trẻ em
 - 1.1. Đường uống
 - 1.2. Đường tiêm
 - 1.3. Đường da và niêm mạc
2. Chuyển hoá thuốc trong cơ thể trẻ em
 - 2.1. Sự phân bố thuốc
 - 2.2. Khả năng gắn thuốc với protein huyết tương
 - 2.3. Chuyển hoá thuốc
 - 2.4. Bài tiết thuốc
3. Ảnh hưởng của tuổi đến động dược học
 - 3.1. Tác dụng duy nhất ở trẻ em
 - 3.2. Phản ứng thuốc
 - 3.2.1. Phản ứng do thuốc :
 - 3.2.2. Phản ứng tùy theo từng giai đoạn tăng trưởng :
 - 3.3. Các tác dụng phụ của thuốc
 - 3.3.1. Tăng nhạy cảm với tác dụng phụ :
 - 3.3.2. Giảm nhạy cảm với tác dụng phụ :
4. Cách tính liều lượng thuốc dùng cho trẻ em
5. Một số vấn đề thực hành khi dùng thuốc cho trẻ em
 - 5.1. Phân loại điều trị ở trẻ em
 - 5.2. Lựa chọn thuốc
 - 5.3. Đường dùng
 - 5.4. Những lưu ý khác
 - 5.5. Kê đơn thuốc
 - 5.6. Nguyên tắc dùng kháng sinh trong Nhi khoa
6. Liều lượng một số thuốc hay dùng trong Nhi khoa

Bài 10: Sử dụng Corticoid ở trẻ em

Số tiết 32 (LT 4, TH 28)

1. Trình bày được cơ chế tác dụng của Corticoid
2. Trình bày được chỉ định và chống chỉ định của Corticoid
3. Trình bày được cách chẩn đoán và xử trí một số tai biến của Corticoid ở trẻ em.

5. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. (2007), “*Bài giảng Nhi khoa sau Đại học tập 1 và tập 2*” Nhà xuất bản Y học.

6. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh viện Nhi Trung ương (2015). Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em. NXB Y học.
3. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hải Phòng (2013), “Bài giảng Nhi khoa”, Nhà xuất bản Y học. Dành cho đa khoa, Tập 1,2
4. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2011), Nhi khoa tập II, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, Bệnh tiêu chảy cấp, tr 223-242
7. Nguyễn Công Khanh (2001), “Tiếp cận chẩn đoán Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- 8 Bộ môn Nhi, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh,(1996), Nhi khoa tập II, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Bệnh tiêu chảy, tr 365-378.
9. Lê Đức Hình - Nguyễn Chương (2001) "Viêm não Nhật Bản". Thần kinh học trẻ em. Nhà xuất bản Y học, trang 177 - 190. (1994)
11. Trần Quy (2001) “Hen phế quản” Bài giảng Nhi khoa tập II, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, trang 308 - 321.
12. Cao Quốc Việt (2001), “Suy giáp trạng bẩm sinh”, Bài giảng Nhi khoa tập II. NXB Y học.
13. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2013), “ Phác đồ điều trị Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học.
14. Nguyễn Công Khanh, Lê Thanh Hải (2015), “ Hướng dẫn, chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em”. Nhà xuất bản Y học.
15. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), “Thực hành cấp cứu Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
16. Nguyễn Ngọc Sáng, Hà Phan Hải Anh (2007), “ Hội chứng thận hư tiên phát ở người lớn và trẻ em”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
17. Hội Nhi khoa Việt Nam (2016), Sách giáo khoa nhi khoa: textbook of Pediatrics. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

7. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết: thuyết trình, hướng dẫn học viên tự đọc tài liệu
- Thực hành: thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm

8. Phương pháp lượng giá

- Lý thuyết: thi viết cải tiến
- Thực hành: case study, bảng kiểm, bệnh án, viết chuyên đề

Cấp chứng chỉ môn học

Chứng chỉ môn học chỉ cấp cho những học viên có đủ số lần kiểm tra, thi đạt từ 5 điểm trở lên.

CHỈ TIÊU TAY NGHỀ

STT	Nội dung tay nghề thực hành	Số lần thực hiện	Số lần đạt yêu cầu	Chỉ số đánh giá	Kết quả đánh giá
1	Đặt nội khí quản	4	4	Bảng kiểm	3 mức độ
2	Chọc dò tuỷ sống	4	4	Bảng kiểm	3 mức độ
3	Truyền dịch	10	10	Bảng kiểm	3 mức độ
4	Truyền máu	6	6	Bảng kiểm	3 mức độ
5	Cho bệnh nhân thở oxy	20	20	Bảng kiểm	3 mức độ
6	Đặt sonde dạ dày	10	10	Bảng kiểm	3 mức độ
7	Cho ăn qua sonde	10	10	Bảng kiểm	3 mức độ
8	Chọc dịch màng bụng	6	6	Bảng kiểm	3 mức độ
9	Chọc dịch màng phổi	4	4	Bảng kiểm	3 mức độ
10	Đo điện tâm đồ trẻ em	6	6	Bảng kiểm	3 mức độ
11	Đọc điện tâm đồ trẻ em	10	10	Bảng kiểm	3 mức độ
12	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	3	3	Bảng kiểm	3 mức độ
13	Đọc huyết – tuỷ đồ	10	10	Bảng kiểm	3 mức độ
14	Đặt sonde niệu đạo	6	6	Bảng kiểm	3 mức độ
15	Khám nước tiểu trẻ em	10	10	Bảng kiểm	3 mức độ
16	Sử dụng Mornitoring theo dõi bệnh nhân nặng	20	20	Bảng kiểm	3 mức độ

TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Tài liệu học tập chủ yếu

1. Bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2013), “*Bài giảng Nhi khoa tập 1*” Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2013), “*Bài giảng Nhi khoa tập 2*” Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hải Phòng (2007), “*Bài giảng Nhi khoa sau Đại học tập 1*”, Nhà xuất bản Y học.
4. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hải Phòng (2007), “*Bài giảng Nhi khoa sau Đại học tập 2*”, Nhà xuất bản Y học.
5. Nguyễn Ngọc Sáng (2016), “*Nhi khoa lâm sàng tập 1*”. Nhà xuất bản Y học Hà Nội
6. Nguyễn Ngọc Sáng (2016), “*Nhi khoa lâm sàng tập 2*”. Nhà xuất bản Y học Hà Nội

2. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh viện Nhi Trung ương, (2015). *Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em*. NXB Y học.
2. Bệnh viện Nhi đồng 1 (2013), “*Phác đồ điều trị Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học.
3. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2013), “*Phác đồ điều trị Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học.
4. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2003), *Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội
5. Bộ môn Nhi, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, (1997), *Bài giảng Nhi khoa tập I*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
6. Bộ môn Nhi, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, (1997), *Bài giảng Nhi khoa tập II*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
7. Bộ Y tế (2015): “*Hướng dẫn, chẩn đoán, điều trị bệnh một số bệnh thường gặp ở trẻ em*”. Nhà xuất bản Y học.
8. Hội Nhi khoa Việt Nam (2016), *Sách giáo khoa nhi khoa: textbook of Pediatrics*. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
9. Nguyễn Tiến Dũng (2014): *Điều trị và chăm sóc sơ sinh* /. Nhà xuất bản Y học Hà Nội
10. Nguyễn Công Khanh (2001), “*Tiếp cận chẩn đoán Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
11. Nguyễn Công Khanh (2004), “*Huyết học lâm sàng Nhi khoa*”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
12. Nguyễn Công Khanh, Lê Thanh Hải (2015), “*Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em*”. Nhà xuất bản Y học.

13. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), “Thực hành cấp cứu Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
14. Nguyễn Ngọc Sáng, Hà Phan Hải Anh (2007), “Hội chứng thận hư tiên phát ở người lớn và trẻ em”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
15. Nguyễn Ngọc Sáng (2015), “Nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em”. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

Robert M. Kliegman et al (2015) " Nelson textbook of Pediatrics (File PDF)

3. Danh mục phòng thí nghiệm sử dụng để đào tạo

3.1. Cơ sở thực hành tiền lâm sàng

Trung tâm đào tạo kỹ năng (Skillslab) của Trường với các mô hình, phần mềm đáp ứng đào tạo các kỹ năng chuyên ngành.

3.2. Cơ sở thực hành lâm sàng

- Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Học viên phải học xong các môn học thuộc phần cơ sở mới được học các môn học phần chuyên ngành.

- Các môn học chung thuộc phần cơ bản có thể học xen kẽ.

2. Thực hành

2.1. Thực hành tiền lâm sàng: Học viên cần thành thạo các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng thủ thuật trên mô hình tại Trung tâm đào tạo kỹ năng trước khi tiến hành trên người bệnh.

2.2. Thực hành lâm sàng: Trong thời gian học môn hỗ trợ và môn chuyên ngành, học viên phải thực hành tại khoa lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giáo viên, bình quân 5 buổi/tuần. Mỗi tuần tham gia thường trực tại khoa lâm sàng ít nhất 1 lần (24/24 giờ).

3. Phương pháp dạy/học

Coi trọng và phát huy cao độ tính tự học của học viên.

- Lý thuyết: theo phương pháp giảng dạy tích cực tại giảng đường, thư viện.

- Thực hành tiền lâm sàng tại Trung tâm đào tạo kỹ năng y khoa của trường.

- Thực hành lâm sàng có hướng dẫn tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

4. Phương pháp lượng giá

- Kiểm tra sau mỗi đơn vị học trình, thi lấy chứng chỉ sau mỗi đơn vị chứng chỉ.

- Mỗi môn học thuộc phần kiến thức chung, các môn cơ sở, các môn hỗ trợ thi lấy một chứng chỉ.

- Môn chuyên ngành: mỗi chứng chỉ thi lấy 2 điểm (LT và LS)

- Thi lý thuyết: thi viết cải tiến (120 phút) hoặc thi vấn đáp hoặc viết chuyên đề.

- Thi thực hành (chuyên ngành): hỏi bệnh, thăm khám bệnh nhân trên lâm sàng và bệnh án.

- Thi tốt nghiệp (chuyên ngành) gồm 3 phần độc lập: Lý thuyết, kỹ năng thực hành và bệnh án.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

